



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA môn

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

LỚP

7

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

CBQLGD : Cán bộ quản lý giáo dục
CC: Chăm chỉ
ĐCHV: Điều chỉnh hành vi
GDGD: Giáo dục công dân
GDPT: Giáo dục phổ thông
GD&ĐT: Giáo dục và Đào tạo
GQVĐ: Giải quyết vấn đề
GT – HT: Giao tiếp – hợp tác
GV: Giáo viên
HS: Học sinh
NA: Nhân ái
NL: Năng lực
NXBGDVN: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
PC: Phẩm chất
PTBT: Phát triển bản thân
QLBT: Quản lý bản thân
SGK: Sách giáo khoa
SGV: Sách giáo viên
TBV: Tự bảo vệ
TC – TH: Tự chủ – tự học
TN: Trách nhiệm
TT: Trung thực
THCS: Trung học cơ sở
YN: Yêu nước



MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG4

1. Khái quát về chương trình môn Giáo dục công dân
cấp Trung học cơ sở 4
2. Giới thiệu sách giáo khoa Giáo dục công dân 7 11
3. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 28
4. Hướng dẫn đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục công dân 40
5. Giới thiệu tài liệu bổ trợ, nguồn tài nguyên, học liệu điện tử,
thiết bị giáo dục 44

Phần thứ hai: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY 49

1. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy môn Giáo dục công dân 49
2. Bài soạn minh họa 54

1 KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. Cách tiếp cận và mục tiêu của chương trình

Quán triệt tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, Chương trình GDPT 2018 được xây dựng theo mô hình phát triển năng lực, thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết. Theo cách tiếp cận này, giáo dục không phải để truyền thụ kiến thức mà nhằm giúp HS hoàn thành các công việc, giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống nhờ vận dụng hiệu quả và sáng tạo những kiến thức đã học. Quan điểm này được thể hiện nhất quán ở nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục.



Chương trình môn GDCD hiện hành xây dựng theo định hướng nội dung, nặng về truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng giúp HS vận dụng kiến thức học được vào thực tiễn; kiến thức vừa là chất liệu, đầu vào vừa là kết quả, đầu ra của quá trình giáo dục. Vì vậy, HS phải học và ghi nhớ nhiều nhưng khả năng vận dụng vào đời sống còn hạn chế. Theo mô hình phát triển năng lực của chương trình GDPT 2018, môn GDCD được xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học với mục tiêu:

“Chương trình môn GD&ĐT góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; các năng lực của người công dân Việt Nam, đặc biệt là năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới”⁽¹⁾. Trong chương trình mới, môn GD&ĐT ở cấp Tiểu học có tên là Đạo đức, cấp THCS là GD&ĐT, cấp THPT là Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.

Ở cấp THCS, môn GD&ĐT có mục tiêu:

- a) Giúp HS có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.
- b) Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi”⁽²⁾.

1.2. Yêu cầu cần đạt

1.2.1. Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất, năng lực chung

Môn GD&ĐT góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định trong Chương trình tổng thể:

- Năm phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Ba năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

* Năng lực điều chỉnh hành vi

- Nhận thức chuẩn mực hành vi:
- + Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.

(1) Chương trình GDPT môn GD&ĐT 2018, Bộ GD&ĐT

(2) Sdd.

+ Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

+ Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày

+ Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

– Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:

+ Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.

+ Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

+ Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp; khả năng của bản thân và nguyện vọng, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

– Điều chỉnh hành vi:

+ Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

+ Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn diện lãng phí, nghịch ngợm hoặc làm những việc xấu (bạo lực học đường, tham gia các tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng đến các giá trị xã hội.

+ Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

+ Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.

*** Năng lực phát triển bản thân**

– Tự nhận thức bản thân:

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

– Lập kế hoạch phát triển bản thân:

+ Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

+ Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau THCS với sự tư vấn của thầy, cô giáo và người thân.

– Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân:

+ Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

+ Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.

*** Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội**

– Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội:

+ Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.

+ Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

+ Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:

+ Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

+ Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với những biến đổi xã hội.

+ Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

+ Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

1.3. Nội dung và thời lượng

Ở cấp THCS, chương trình GDCD hiện hành tập trung vào hai mạch nội dung cơ bản: Giáo dục đạo đức (học kì I), giáo dục pháp luật (học kì II). Giáo dục kĩ năng sống và giáo dục kinh tế không thành nội dung riêng mà lồng ghép, tích hợp vào hai nội dung trên nhưng không nhiều. Toàn chương trình hiện hành có hai bài liên quan tới giáo dục kinh tế (Lớp 6: Tiết kiệm, lớp 9: Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả) song lại được khai thác chủ yếu dưới góc độ giáo dục đạo đức. Với thời lượng 1 tiết/tuần, môn GD CD còn thực hiện nhiệm vụ thực hành, ngoại khoá, giáo dục địa phương và giáo dục nhiều nội dung tích hợp về dân số, môi trường,...

Nội dung chương trình GD CD 2018 có sự thay đổi rõ rệt so với chương trình hiện hành. Chương trình môn GD CD được xây dựng theo 4 mạch nội dung giáo dục: 1/ Giáo dục đạo đức; 2/ Giáo dục kĩ năng sống; 3/ Giáo dục kinh tế; 4/ Giáo dục pháp luật.

Ở cấp THCS, các mạch nội dung giáo dục này được phân phối với 35% thời gian dành cho giáo dục đạo đức (nội dung trọng tâm), 25% giáo dục pháp luật (tinh giản, gần gũi, thiết thực hơn đối với HS), 20% giáo dục kĩ năng sống, 10% giáo dục kinh tế và 10% dành cho kiểm tra, đánh giá.

Nội dung khái quát môn GDCD cấp THCS

Nội dung		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC (35%)	Yêu nước	1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	1. Tự hào về truyền thống quê hương	1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	1. Sống có lí tưởng
	Nhân ái	2. Yêu thương con người	2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	2. Khoan dung
	Chăm chỉ	3. Siêng năng, kiên trì	3. Học tập tự giác, tích cực	3. Lao động cần cù, sáng tạo	3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng
	Trung thực	4. Tôn trọng sự thật	4. Giữ chữ tín	4. Bảo vệ lẽ phải	4. Khách quan và công bằng
	Trách nhiệm	5. Tự lập	5. Bảo tồn di sản văn hoá	5. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	5. Bảo vệ hoà bình
GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG (20 %)	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	6. Tự nhận thức bản thân	6. Ứng phó với tâm lí căng thẳng	6. Xác định mục tiêu cá nhân	6. Quản lí thời gian hiệu quả
	Kĩ năng tự vệ	7. Ứng phó với tình huống nguy hiểm	7. Phòng, chống bạo lực học đường	7. Phòng, chống bạo lực gia đình	7. Thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống
GIÁO DỤC KINH TẾ (10%)	Hoạt động tiêu dùng	8. Tiết kiệm	8. Quản lí tiền	8. Lập kế hoạch chi tiêu	8. Tiêu dùng thông minh
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (25%)	Quyền và nghĩa vụ của công dân	9. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	9. Phòng, chống tệ nạn xã hội	9. Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí
		10. Quyền trẻ em	10. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế

So sánh nội dung môn GDCD lớp 7 hiện hành và môn GDCD lớp 7 mới

Chương trình hiện hành	Chương trình 2018
Bài 1. Sống giản dị	Chủ đề 1. Tự hào về truyền thống quê hương
Bài 2. Trung thực	Chủ đề 2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ
Bài 3. Tự trọng	Chủ đề 3. Học tập tự giác, tích cực
Bài 4. Đạo đức và kỉ luật	Chủ đề 4. Giữ chữ tín
Bài 5. Yêu thương con người	Chủ đề 5. Bảo tồn di sản văn hoá
Bài 6. Tôn sư trọng đạo	Chủ đề 6. Ứng phó với tâm lí căng thẳng
Bài 7. Đoàn kết, tương trợ	Chủ đề 7. Phòng, chống bạo lực học đường
Bài 8. Khoan dung	Chủ đề 8. Quản lí tiền
Bài 9. Xây dựng gia đình văn hoá	Chủ đề 9. Phòng, chống tệ nạn xã hội
Bài 10. Giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ	Chủ đề 10. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình
Bài 11. Tự tin	
Thực hành, ngoại khoá các vấn đề của địa phương và các nội dung đã học	Điểm mới: – Thêm 02 mạch nội dung giáo dục nhưng vấn đề gần gũi, thiết thực hơn. – Giảm tải, điều chỉnh một số nội dung không phù hợp đối tượng HS. – Một số nội dung thực hành, ngoại khoá chuyển sang hoạt động trải nghiệm. – Các vấn đề địa phương chuyển sang Giáo dục địa phương.
Bài 12. Sống và làm việc có kế hoạch	
Bài 13. Quyền được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của trẻ em Việt Nam	
Bài 14. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	
Bài 15. Bảo vệ di sản văn hoá	
Bài 16. Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo	
Bài 17. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	
Bài 18. Bộ máy nhà nước cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn)	

1.4. Định hướng phương pháp giáo dục

Môn GDCD hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất và năng lực của người công dân thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, nghĩa là chuyển các giá trị văn hoá, đạo đức, các kiến thức pháp luật, kinh tế thành ý thức và hành vi của người công dân. Do vậy, GV phải có phương pháp giáo dục phù hợp, cụ thể là:

– Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lí tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

- Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; sắm vai; dự án;...
- Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.
- Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội.

1.5. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục

Đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nghiên cứu, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS.

Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực.

Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình hoặc các tổ chức xã hội.

- Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS.
- Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì theo hướng dẫn của BGD&ĐT.

2 GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7

2.1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn

Sách giáo khoa môn GDCD ở cấp THCS nói chung và lớp 7 nói riêng được biên soạn dựa trên cơ sở: 1/ Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; 2/ Các định hướng của Chương trình GDPT tổng thể và Chương trình GDPT môn GDCD; 3/ Kinh nghiệm trong nước và quốc tế về viết sách giáo khoa; 4/ Đặc điểm HS THCS; 5/ Đặc trưng môn GDCD theo định hướng tiếp cận năng lực.

Từ những cơ sở trên, sách GDCD 7 được biên soạn theo các quan điểm sau:

- Phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.
- Kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc kết hợp với tinh hoa văn hoá nhân loại.
- Phù hợp với chương trình môn GDCD cấp THCS.
- Gắn với thực tiễn của HS THCS: Các thông tin, tình huống, câu chuyện, bài tập,... được chắt lọc từ những tình huống tiêu biểu, gắn với thực tiễn cuộc sống của HS trong gia đình, nhà trường và xã hội.
- Đảm bảo tính hệ thống: Sách được biên soạn theo ma trận các chủ đề/bài học thống nhất từ lớp 6 đến lớp 9. Các mạch nội dung của sách được sắp xếp khoa học theo cấu trúc đồng tâm về các mối quan hệ (quan hệ giữa HS với bản thân, với gia đình, với nhà trường, với cộng đồng và với môi trường tự nhiên), đảm bảo tính phát triển trong nội dung của các lớp sau.
- Chú trọng *tích hợp nội môn* giữa giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật; *tích hợp liên môn* giữa GDCD với Ngữ văn, Mĩ thuật, Âm nhạc, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,...
- Chú trọng yêu cầu *dạy học phân hoá* theo năng lực HS (các nhiệm vụ học tập đa dạng được sắp xếp theo mức độ từ thấp đến cao, dành cho HS có cấp độ năng lực khác nhau); phân hoá theo vùng miền (các thông tin, câu chuyện, tranh ảnh, bài tập tình huống,... đa dạng, phản ánh sự đa dạng của các vùng miền).
- Đảm bảo *tính mở*: Các hoạt động dạy học mang tính chất gợi mở, tạo điều kiện cho sự linh hoạt, sáng tạo của GV và HS.

2.2. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

2.2.1. Ma trận nội dung

SGK môn GDCD lớp 7 gồm 10 chủ đề/bài học với các yêu cầu cần đạt và mục tiêu về phẩm chất, năng lực cụ thể như sau:

Tên chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Phẩm chất	Năng lực	
			NL chung	NL đặc thù
I. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC				
1. Tự hào về truyền thống quê hương	- Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. - Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. - Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.	YN	TC – TH GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT
2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	- Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau. - Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. - Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.	NA	GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT
3. Học tập tự giác, tích cực	- Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. - Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực. - Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. - Biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này.	CC	GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT
4. Giữ chữ tín	- Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín. - Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. - Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. - Phê phán những người không biết giữ chữ tín.	TT	GT – HT TC – TH GQVĐ	ĐCHV PTBT

5. Bảo tồn di sản văn hoá	– Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam. – Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội. – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá. – Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc bảo tồn di sản văn hoá. – Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó. – Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.	TN	TC – TH GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT
----------------------------------	---	----	----------------------------	--------------

II. GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG

6. Ứng phó với tâm lí căng thẳng	– Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. – Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng. – Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng. – Nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. – Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.	QLBT	TC – TH GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT
7. Phòng, chống bạo lực học đường	– Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường. – Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. – Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức. – Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.	TBV	TC – TH GT – HT GQVĐ	ĐCHV PTBT

III. GIÁO DỤC KINH TẾ				
8. Quản lí tiền	- Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả. - Nhận biết được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả. - Bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.	TC TN	GT-HT GQVĐ	ĐCHV PTBT
IV. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT				
9. Phòng, chống tệ nạn xã hội	- Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. - Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. - Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. - Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức. - Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.	TN	GT-HT GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG
10. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	- Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. - Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác. - Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.	TN	GT-HT GQVĐ	ĐCHV PTBT TH-TG

2.2.2. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

* Cấu trúc sách

SGK GD&ĐT 7 được cấu trúc theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT gồm các phần: 1/ Hướng dẫn sử dụng sách; 2/ Lời nói đầu; 3/ Mục lục; 4/ Chủ đề/bài học; 5/ Giải thích thuật ngữ.

* Cấu trúc bài học

Cấu trúc bài học dựa trên tiến trình nhận thức của HS, từ việc *Nhận biết* đến *Thấu hiểu*, *Tin tưởng* và *Hành động*.

Mỗi chủ đề/bài học được thiết kế thống nhất theo mô hình gồm hệ thống các hoạt động:

1/ *Mở đầu*: Nêu vị trí, tầm quan trọng của bài học; tạo tâm thế, khơi gợi suy nghĩ, hứng thú của HS để vào bài mới thông qua trò chơi, bài hát, câu chuyện, tranh ảnh, chia sẻ trải nghiệm,...

2/ *Khám phá*: Hình thành, phát triển ở HS những kiến thức về chuẩn mực hành vi và sự cần thiết phải thực hiện theo các chuẩn mực đó.

MỞ ĐẦU

Truyền thống quê hương là những giá trị văn hoá tốt đẹp của quê hương được truyền từ đời này qua đời khác. Tự hào về truyền thống quê hương chính là tự hào về nguồn gốc của mình, là nền tảng để xây dựng giá trị cốt lõi và hình thành sự tự tin cho mỗi người. Bài học này giúp em tìm hiểu về truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương; biết giữ gìn và phát huy những nét đẹp của truyền thống và tự hào về quê hương, nguồn cội của mình.

Em hãy quan sát các hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi:



Tượng đài Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh, Hà Nội



Người Dao Đỏ ở Lào Cai trong trang phục truyền thống



KHÁM PHÁ

1. Khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam

Em hãy đọc thông tin, quan sát các hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi:

Trong tiến trình phát triển, nhân loại đã tạo ra nhiều sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị lớn lao về mặt lịch sử, văn hoá, khoa học. Những sản phẩm đó được lưu truyền từ đời này qua đời khác, trở thành các di sản văn hoá đặc sắc của mỗi dân tộc trong vườn hoa đa sắc màu của văn hoá nhân loại.

Việt Nam là đất nước có kho tàng di sản văn hoá đa dạng. Có những di sản văn hoá vật thể, thể hiện qua những sản phẩm vật chất như các di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia,... Có những di sản văn hoá phi vật thể, thể hiện qua những sản phẩm tinh thần, không ngừng được tái tạo và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác như một số tín ngưỡng, loại hình nghệ thuật dân tộc,...



Hồ Gươm, Hà Nội



Cầu Cầu Thơ, thành phố Cần Thơ



Nhà nhạc cung đình Huế, Huế



Tháp Chăm, Ninh Thuận



Vịnh Hạ Long, Quảng Ninh



Không gian văn hoá Công chúng Tây Nguyên

2

a) Trong những bức ảnh trên, hình ảnh nào là di sản văn hoá? Hình ảnh nào không phải là di sản văn hoá? Hình ảnh nào là di sản văn hoá vật thể? Hình ảnh nào là di sản văn hoá phi vật thể?

b) Theo em, di sản văn hoá là gì?

c) Kể thêm những di sản văn hoá khác ở Việt Nam mà em biết.

25

2. Ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội

Em hãy đọc các thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi:

❶ Phố cổ Hội An (tỉnh Quảng Nam)

là nơi lưu giữ những di sản văn hoá độc đáo. Nơi đây được xem như một bảo tàng sống về kiến trúc đô thị với những ngôi nhà cổ và những công trình tín ngưỡng, tín ngưỡng đặc sắc. Hội An còn là nơi lưu giữ một nền văn hoá phi vật thể đa dạng, phong phú với những phong tục tập quán, sinh hoạt tín ngưỡng, nghệ thuật dân gian, lễ hội văn hoá,... Do vậy, phố cổ Hội An được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới (năm 1999). Việc bảo tồn và phát huy di sản phố cổ Hội An vừa mang lại thu nhập cho ngành Du lịch vừa phát huy niềm tự hào về truyền thống lịch sử, văn hoá của dân tộc.

(Theo Nguyễn Quang Ngọc, *Đất trời cổ Hội An: Quê hương lịch sử và hiện trạng di tích, Hồn thiêng và đô thị Việt Nam* (Lịch sử, thực trạng và khuyến nghị bảo tồn), NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)



❷ Hằng năm, từ mùng 5 đến mùng 7 Tết, ở thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam thường diễn ra lễ Tịch điền.

Vua Lê Đại Hành là vị hoàng đế đầu tiên mở đầu cho một lễ nghi "Tịch điền" mà các vương triều sau tiếp tục nơi theo để khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp. Lễ Tịch điền không chỉ thể hiện sự quan tâm của các vị vua đối với người nông dân mà còn tuyên truyền, giáo dục các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ lòng biết ơn tiền nhân, tích cực phát triển sản xuất nông nghiệp.

(Theo Trần Thị Vinh (Chữ biển), *Lịch sử Việt Nam – tập 2 – từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX*, NXB Khoa học xã hội, 2013)



26



- Di sản văn hoá phố cổ Hội An có ý nghĩa như thế nào đối với người dân Quảng Nam và cả nước?
- Lễ Tết điền có ý nghĩa như thế nào đối với người dân Hà Nam và cả nước?
- Từ việc tìm hiểu ý nghĩa của các di sản văn hoá trên và những hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.

3. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hoá

Em hãy đọc thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

Điều 14 Luật Di sản văn hoá năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định: tổ chức, cá nhân có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Sở hữu hợp pháp di sản văn hoá;
- Tham quan, nghiên cứu di sản văn hoá;
- Tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;
- Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất;
- Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hoá.

Xã V có một ngôi chùa cổ được xếp hạng di tích lịch sử – văn hoá cấp Quốc gia. Chính quyền địa phương nơi đây luôn chăm lo việc bảo tồn, ngăn chặn và xử lý nghiêm những hành vi phá hoại, ảnh hưởng đến di tích. Bà con trong xã cũng thường nhắc nhau giữ gìn, bảo vệ, tôn tạo để ngôi chùa luôn khang trang, sạch đẹp.



- Chính quyền và nhân dân xã V đã thực hiện các quy định của pháp luật trong việc bảo vệ di sản văn hoá như thế nào?
- Hãy nêu thêm các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hoá mà em biết.

27

4. Trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá

Em hãy đọc trường hợp, quan sát các tranh dưới đây và trả lời câu hỏi:

Thầy Hồng hay chọn điều dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh để biểu diễn ở các ngày lễ của trường, một số bạn trong lớp không thích và muốn Hồng chọn những bài hát hiện đại, sôi động. Hồng từ chối và giải thích: "Dân ca Ví, Giặm là sản phẩm đại diện, tiêu biểu cho gia tài văn hoá của vùng đất xứ Nghệ. Mình muốn giới thiệu loại hình dân ca độc đáo này với mọi người".



28



- Em hãy nêu những việc làm góp phần bảo tồn di sản văn hoá trong trường hợp và các bức tranh trên.
- Theo em, học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn, bảo vệ và phát triển di sản văn hoá ở Việt Nam?



- Di sản văn hoá là những sản phẩm vật chất, tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Di sản văn hoá gồm di sản văn hoá vật thể (Thành nhà Hồ, Thánh địa Mỹ Sơn, Rừng ngập mặn Cần Giờ,...) và di sản văn hoá phi vật thể (Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Mộc bản Triều Nguyễn, Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ,...).
- Bảo tồn di sản văn hoá góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và làm phong phú kho tàng di sản văn hoá thế giới.
- Pháp luật nước ta có những quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá, thể hiện ở Luật Di sản văn hoá năm 2001.
- Học sinh có trách nhiệm: Tìm hiểu, giới thiệu về các di sản văn hoá; Giữ gìn các di sản văn hoá; Đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá.

Kết thúc hoạt động Khám phá là phần chốt kiến thức cơ bản, cốt lõi, cô đọng, giúp HS ghi nhớ các chuẩn mực hành vi, làm điểm tựa cho hoạt động Luyện tập tiếp theo.

3/ Luyện tập: Nhằm củng cố kiến thức, kỹ năng vừa khám phá, rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tiễn nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân.

4/ Vận dụng: Nhằm ứng dụng tri thức vào giải quyết vấn đề cụ thể trong thực tiễn cuộc sống ở không gian mới, tình huống mới.

LUYỆN TẬP

- Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?
 a) Nếp sống của gia đình có vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ.
 b) Cha mẹ có quyền phân biệt đối xử giữa các con.
 c) Giáo dục trẻ em là công việc của nhà trường.
- Trong những trường hợp dưới đây, ai thực hiện đúng, ai không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình? Vì sao?
 a) H thích học đàn, bạn được bố mua đàn và tìm thầy dạy. Bố khuyên khích H kiên nhẫn nhưng luôn nhắc nhở H không được lơ là việc học các môn văn hoá.
 b) Được ông bà chiều chuộng, đáp ứng mọi yêu cầu nên M không nghe lời bố mẹ, lười học, ham chơi. Khi bố mẹ mắng, M tỏ ra không nghe lời vì được ông bà bênh vực.
 c) Bố mẹ H luôn khuyến khích H tham gia các hoạt động tập thể của trường, lớp.
 d) Ở nhà, bố thường trao đổi, tham khảo ý kiến A về các vấn đề liên quan đến trẻ em.
- Em hãy xử lý các tình huống dưới đây:
 a) L và em trai học cùng trường. Nhà trường tổ chức đi tham quan Vườn Quốc gia Cúc Phương. Hai chị em đều muốn tham gia nhưng bố chỉ cho L đi, còn em trai phải ở nhà vì còn nhỏ.
 b) S rất thích vẽ và vẽ rất đẹp nên được các bạn bầu làm nhóm trưởng tổ bảo tàng của lớp. S xin mẹ cho đi học lớp vẽ ở Cung thiếu nhi nhưng mẹ không đồng ý vì sợ học vẽ sẽ ảnh hưởng đến việc học ở trường của S.
 c) Nhà D có hai anh em. D luôn tranh giành, bắt nạt em. Bố mẹ đi làm giao cho D ở nhà nấu cơm, dọn dẹp, trông em. D luôn nhận việc nhưng khi bố mẹ vừa đi, D liền đi chơi và bắt em làm những việc bổ mợ giao.
 d) Bà em, bố mẹ bận việc nên dân C ở nhà chăm sóc bà. C từ chối với lí do đã có hẹn đi xem phim cùng các bạn.
 Nếu là L, em sẽ ứng xử thế nào?
 Nếu là S, em sẽ ứng xử thế nào?
 Nếu là D, em sẽ ứng xử thế nào?
 Nếu là C, khi được bố mẹ giao việc đó, em sẽ ứng xử thế nào? Vì sao?

VẬN DỤNG

- Em hãy viết thư cho người thân bày tỏ mong muốn về việc được thực hiện quyền tham gia của em trong gia đình.
- Em hãy lập và thực hiện bản kế hoạch điều chỉnh những việc làm của mình cho đúng với nghĩa vụ công dân trong gia đình theo gợi ý dưới đây:

Các quyền, nghĩa vụ chưa thực hiện được	Nguyên nhân chưa thực hiện được	Mong muốn cần đạt	Phương thức điều chỉnh	Thời gian điều chỉnh

2.2.3. Những điểm mới, ưu điểm nổi bật của sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 7

SGK GDCD 7 được biên soạn theo định hướng phát triển năng lực người học, có những ưu điểm nổi bật sau:

* **Khoa học, chuẩn mực:** Sách thể hiện chính xác, đầy đủ những yêu cầu cần đạt của chương trình môn GDCD lớp 7. Ngôn ngữ phổ thông, trong sáng, văn phong khoa học. Nguồn trích rõ ràng, thông tin chuẩn xác. Các bài đều làm rõ nội hàm khái niệm cơ bản; lấy hệ khái niệm làm công cụ để xây dựng tri thức khoa học, góp phần giúp HS hình thành, phát triển năng lực tư duy khoa học.

* **Tinh giản, thiết thực:** Sách gồm 10 bài, xoay quanh 4 mạch giáo dục: giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống và giáo dục kinh tế. Những vấn đề đặt ra phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trải nghiệm của HS lớp 7, giúp HS vận dụng giải quyết những vấn đề của cuộc sống như: Ứng phó với tâm lí căng thẳng, Phòng chống bạo lực học đường, Quản lí tiền,...

* **Kế thừa và phát triển:** SGK GDCD 7 được biên soạn trên cơ sở kế thừa truyền thống giáo dục của dân tộc (giáo dục qua ca dao, tục ngữ, qua tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh); tinh hoa giáo dục và kinh nghiệm biên soạn SGK của các quốc gia có nền giáo dục



tiên tiến; SGK GDĐD 7 hiện hành; đảm bảo tính hệ thống theo ma trận các chủ đề/bài học thống nhất từ cấp Tiểu học đến cấp THPT. Vẫn trên cơ sở 4 mạch nội dung giáo dục, các chuẩn mực hành vi phát triển theo đường xoắn ốc mở rộng và nâng cao dần trên cơ sở kế thừa những chuẩn hành vi của lớp trước, dung lượng bài tập cũng đa dạng và phức tạp hơn, phù hợp với sự phát triển phẩm chất, năng lực của HS qua từng lớp học.

LUYỆN TẬP

1. Em cùng các bạn chơi trò chơi "Ai nhanh hơn?":

- Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về việc giữ chữ tín. Ai tìm được nhanh và nhiều câu đúng hơn sẽ thắng.
- Chia sẻ hiểu biết của em về ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ đã tìm được.



BÁC HỒ TỰ HỌC NGOẠI NGỮ

Bác Hồ là tấm gương sáng về tinh thần tự học, đặc biệt là học ngoại ngữ trong suốt hành trình tìm đường cứu nước. Nhờ tích cực, tự giác học, Bác có thể nói được một số tiếng nước ngoài như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc.... Kết quả đó chính là nhờ vào sự rèn luyện không ngừng bằng việc tự học với một tinh thần cầu tiến, lòng quyết tâm cao và phương pháp đúng.

Hồi làm phụ bếp trên tàu Đô đốc La-tút-sơ Tê-rê-vin chạy tuyến đường từ Sài Gòn sang Pháp, mỗi ngày Bác phải làm việc từ 4 giờ sáng đến 9 giờ tối mới xong. Dù mệt, Bác vẫn cố tự học thêm hai giờ nữa, trong khi những người bạn khác thì đi ngủ hoặc đánh bài. Khi học, những từ nào không hiểu, Bác nhờ những thủy thủ người Pháp giảng lại cho. Bác còn nghĩ ra cách học đọc báo là mỗi một ngày viết mười từ tiếng Pháp vào cánh tay để vừa làm việc, vừa nhẩm học. Khi làm việc ở Luân Đôn, Người thường mang sách, bút ra vườn hoa học vào buổi sáng sớm và buổi chiều mỗi ngày. Ngày cuối tuần được nghỉ, Bác đến học tiếng Anh với một giáo sư người Ý. Và tới bất kì nước nào, Bác đều tự học tiếng nước ấy.

Sau này, mặc dù tuổi đã cao, khi đọc sách, báo tiếng nước ngoài, gặp từ nào không hiểu hay một danh từ khoa học, Bác đều tra từ điển hoặc nhờ người thạo tiếng nước đó giải thích, rồi ghi lại vào sổ để nhớ.

Bác Hồ của chúng ta đã tự học ngoại ngữ như thế đấy!

(Theo Vũ Kỳ, *Kể chuyện đạo đức Bác Hồ*, NXB Giáo dục, 1998)

*** Tích hợp:** Đây là xu hướng tất yếu của nền giáo dục hiện đại. Sách chú trọng tích hợp nội môn và liên môn:

+ Tích hợp nội môn: Mỗi bài học có sự lồng ghép, tích hợp nhuần nhuyễn giữa 4 mạch nội dung giáo dục.

+ Tích hợp liên môn: vẽ tranh (Mĩ thuật), hát (Âm nhạc), đọc truyện, làm thơ, viết bài luận (Ngữ văn), trải nghiệm thực tế (Hoạt động trải nghiệm),...

MỞ ĐẦU

Mỗi chúng ta, ai cũng có một gia đình. Đó là nơi ta được sinh ra, được nuôi dưỡng, che chở. Để gia đình luôn là tổ ấm, là chỗ dựa vững chắc của mỗi người, mỗi thành viên cần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong gia đình.

Hãy chia sẻ cảm xúc của em khi nghe/hát bài hát "Cho con".

"Ba sẽ là cánh chim [...]
Ba mẹ là lá chắn
Che chở suốt đời con
Khi con là con ba
Con của ba rất ngoan
Khi con là con mẹ
Con của mẹ rất hiền [...]
Ba mẹ là quê hương."

(Sáng tác: Phạm Trọng Cầu)

VẬN DỤNG

1. Em hãy tìm hiểu về một truyền thống của quê hương và viết bài giới thiệu truyền thống đó cho mọi người.
2. Em hãy cùng các bạn trong nhóm tập một lần điệu dân ca, điệu múa truyền thống hoặc một bài hát ca ngợi truyền thống quê hương để biểu diễn trước lớp.

Quan điểm tích hợp trong biên soạn giúp cho các hoạt động thiết kế trong SGK môn GDĐD 7 phong phú, sinh động, hấp dẫn hơn đồng thời có sự hỗ trợ, tương tác nhau giữa các môn học về nguồn ngữ liệu và hoạt động dạy học.

* **Phân hoá, đa dạng:** Sách được thiết kế chú trọng yêu cầu dạy học phân hoá theo năng lực HS; đảm bảo tính đa dạng vùng miền và sự cân bằng về giới: Chuỗi hoạt động trong mỗi bài học được thiết kế từ đơn giản đến phức tạp, phù hợp với sự khác nhau về trình độ năng lực

của mỗi HS. Các thông tin, tình huống, câu chuyện, tranh ảnh,... gắn với các vùng miền (nông thôn – thành thị, miền xuôi – miền núi,...).

* **Sáng tạo:** Sách được thiết kế đảm bảo tính mở, tạo điều kiện cho sự linh hoạt, sáng tạo của GV và HS.

Đối với GV: Các hoạt động trong sách mang tính mở giúp GV có thể phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học khác nhau, thiết kế nhiều hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực khuyến khích HS khám phá, khai thác thông tin, xử lí tình huống, học qua các trường hợp điển hình,... tự do sáng tạo, linh hoạt trong quá trình dạy học sao cho phù hợp với điều kiện của trường, lớp, vùng miền,... GV có thể sắp xếp lại trật tự chủ đề, điều chỉnh số tiết (đảm bảo tỉ lệ các mạch giáo dục theo chương trình), thay đổi, bổ sung thông tin, câu chuyện, tình huống.

Đối với HS: Theo định hướng phát triển năng lực, SGK GDĐD 7 không cung cấp những kiến thức có sẵn mà gợi ý tổ chức các hoạt động để HS tự giác, tích cực phát hiện và chiếm lĩnh tri thức. Sách hỗ trợ HS phát huy năng lực bản thân với nhiều hoạt động học tập phong phú, đa dạng: quan sát tranh, nghe/đọc/kể chuyện, thảo luận nhóm, chơi trò chơi, sắm vai, xử lí tình huống,...

* **Sinh động, hấp dẫn:** Sách thể hiện sinh động, hấp dẫn những yêu cầu cần đạt của chương trình môn GDĐD lớp 7. Hoạt động *Mở đầu* đa dạng, phong phú qua bài hát, trò chơi, hình ảnh, chia sẻ trải nghiệm,... khơi dậy hứng thú, khát khao học tập của HS. Hoạt động *Khám phá* bắt đầu bằng những câu chuyện, hình ảnh, thông tin đạo đức, pháp luật (Câu chuyện “Chiếc băng gạc cho trái tim tan vỡ”, “Bác Hồ tự học ngoại ngữ”, “Cậu bé đánh giày”,...) đánh thức được xúc cảm, sự rung động trong tâm hồn HS. Hoạt động *Luyện tập* với những tình huống đạo đức, pháp luật đa dạng, gần gũi, tạo hứng thú học tập cho HS. Hình thức trình bày sách hấp dẫn với tranh ảnh 4 màu đẹp, minh hoạ sinh động các nội dung giáo dục, kích thích sự ham học, trí tò mò và



tư duy sáng tạo của HS. Điều đó giúp cho việc học GDCC không khô khan, giáo điều, cứng nhắc mà trở thành một hành trình học tập sinh động, hấp dẫn và thú vị.

* **Hiện đại:** Những ưu điểm nổi bật trên cho thấy SGK GDCC 7 đã tiếp cận và thể hiện được tinh thần của một cuốn SGK trong dòng chảy của nền giáo dục hiện đại với thiết kế theo định hướng phát triển năng lực người học.

2.2.4. Khung kế hoạch dạy học môn GDCC lớp 7

Trên cơ sở Chương trình GDPT và SGK môn GDCC mới, việc xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS là yêu cầu cần thiết đối với GV, các nhà trường, các cơ sở giáo dục. Xây dựng kế hoạch dạy học cần đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung môn học theo chương trình GDPT môn GDCC, lựa chọn nội dung với nhu cầu, năng lực của HS và điều kiện của nhà trường, địa phương; đảm bảo tính chủ động, linh hoạt của nhà trường; tuân thủ các nguyên tắc, phương pháp sư phạm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo phù hợp với lứa tuổi HS.

Kế hoạch dạy học môn GDCC là một bản thiết kế cho việc thực hiện nhiệm vụ dạy học trên cơ sở xác định đặc điểm tình hình, dự kiến các nguồn lực dạy – học, yêu cầu cần đạt, số tiết cho mỗi chủ đề/bài học, kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động dạy – học. Việc xây dựng kế hoạch dạy học môn GDCC theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực HS cần tuân theo các bước:

1/ Khảo sát cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương. Đó là những yếu tố không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục mà còn ảnh hưởng đến việc vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

2/ Nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa GDCC mới, nhiệm vụ trọng tâm của năm học, khung kế hoạch năm học.

3/ Xác định những phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù cần hình thành và phát triển ở HS qua từng nội dung dạy học môn GDCC.

4/ Tìm hiểu đặc điểm nhận thức, phẩm chất, năng lực của HS và năng lực của GV môn GDCC.

5/ Xây dựng và thực hiện thí điểm kế hoạch dạy học: Trên cơ sở cấu trúc, sắp xếp lại nội dung dạy học, tổ chuyên môn cùng xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức thí điểm một chủ đề/bài học, điều chỉnh để chính thức đưa vào sử dụng.

6/ Tổ chức đánh giá hoạt động học tập của HS theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực nhằm xác định được mức độ phát triển của HS trong từng giai đoạn đồng thời góp phần hướng dẫn, điều chỉnh kế hoạch dạy học, cách dạy của thầy và cách học của trò.

GỢI Ý KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN GD&CD CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GD&ĐT)

TRƯỜNG:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI LỚP 7

(Năm học 2022 – 2023)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp:; Số học sinh:

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:.....; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: Đại học:.....; Trên đại học:.....

3. Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:...

4. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1				
2				
3				
...				
...				

II. Phân phối chương trình

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Tự hào về truyền thống quê hương	3	1. Về kiến thức Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia vào những hoạt động phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống của quê hương; sống có trách nhiệm, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.

2	Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	2	1. Về kiến thức – Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. – Giải thích được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất nhân ái, thể hiện qua việc biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người; khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.
3	Học tập tự giác, tích cực	2	1. Về kiến thức – Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. – Giải thích được vì sao phải học tập tự giác, tích cực. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, thể hiện qua việc tự giác, tích cực trong học tập; biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này.
4	Giữ chữ tín	3	1. Về kiến thức – Trình bày được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín. – Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, luôn giữ chữ tín với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất trung thực, thể hiện qua việc biết giữ chữ tín; phê phán những người không biết giữ chữ tín.

5	Bảo tồn di sản văn hoá	3	1. Về kiến thức – Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam. – Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội. – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá. – Nêu được trách nhiệm của HS trong việc bảo tồn di sản văn hoá. – Nêu được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó. 2. Về năng lực Ngoài những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc biết bảo tồn di sản văn hoá; phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá.
6	Ứng phó với tâm lí căng thẳng	3	1. Về kiến thức – Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. – Kể được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng. – Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng. – Nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. 2. Về năng lực Cùng những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hành được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc điều chỉnh tâm lí của bản thân để có đời sống tinh thần vui vẻ, thoải mái.

7	Phòng, chống bạo lực học đường	4	1. Về kiến thức – Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường. – Nhận biết được cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất trung thực, trách nhiệm, thể hiện qua các hoạt động phòng, chống bạo lực học đường; phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường.
8	Quản lí tiền	3	1. Về kiến thức – Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả. – Kể được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội, bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc biết quản lí tiền hiệu quả.

9	Phòng, chống tệ nạn xã hội	4	1. Về kiến thức – Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. – Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. – Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất trung thực, trách nhiệm, thể hiện qua việc biết phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.
10	Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	4	1. Về kiến thức – Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình, quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. – Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và người khác. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh, chị, em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, thể hiện qua tình yêu thương và những việc làm thực hiện nghĩa vụ đối với những người thân trong gia đình.

3. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kì I	45 phút	Tuần 9	Yêu cầu cần đạt của bài 1, 2, 3	Viết
Cuối Học kì I	45 phút	Tuần 18	Yêu cầu cần đạt của bài 4, 5, 6	Viết
Giữa Học kì II	45 phút	Tuần 26	Yêu cầu cần đạt của bài 7, 8.	Viết
Cuối Học kì II	45 phút	Tuần 35	Yêu cầu cần đạt của bài 9, 10 và một số bài khác trong chương trình GD CD lớp 7	Viết

III. Các nội dung khác (nếu có):

TỔ TRƯỞNG
(Kí và ghi rõ họ tên)

...., ngày.... tháng..... năm 20...

HIỆU TRƯỞNG
(Kí và ghi rõ họ tên)

KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH
ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Họ và tên giáo viên:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

MÔN HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN, LỚP 7

(Năm học 2022 – 2023)

I. Kế hoạch dạy học

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
HỌC KÌ I					
1	Tự hào về truyền thống quê hương	3	Tuần 1, 2, 3	Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, bút dạ	Lớp học

2	Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	2	Tuần 4, 5	Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, bút dạ	Lớp học
3	Học tập tự giác, tích cực	3	Tuần 6, 7, 8	Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, bút dạ	Lớp học
4	Kiểm tra giữa kì I	1	Tuần 9	Đề kiểm tra, đáp án	Lớp học
5	Giữ chữ tín	2	Tuần 10, 11	Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, bút dạ	Lớp học
6	Bảo tồn di sản văn hoá	3	Tuần 12, 13, 14	Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, bút dạ	Lớp học
7	Ứng phó với tâm lí căng thẳng	3	Tuần 15, 16, 17	Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, bút dạ	Lớp học
8	Kiểm tra học kì I	1	Tuần 18	Đề kiểm tra, đáp án	Lớp học
HỌC KÌ II					
9	Phòng, chống bạo lực học đường	4	Tuần 19, 20, 21, 22	Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, bút dạ	Lớp học
10	Quản lí tiền	3	Tuần 23, 24, 25	Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, bút dạ	Lớp học
	Kiểm tra giữa học kì II	1	Tuần 26	Đề kiểm tra, đáp án	Lớp học
11	Phòng, chống tệ nạn xã hội	4	Tuần 27, 28, 29, 30	Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, bút dạ	Lớp học
12	Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	4	Tuần 31, 32, 33, 34	Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, bút dạ	Lớp học
13	Kiểm tra học kì II	1	35	Đề kiểm tra, đáp án	Lớp học

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

- (2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.
- (3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.
- (4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.
- (5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa,...).

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục;...)

.....

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG

(Kí và ghi rõ họ tên)

... ngày... tháng... năm...

GIÁO VIÊN

(Kí và ghi rõ họ tên)

3 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

3.1. Định hướng, yêu cầu cơ bản về đổi mới phương pháp dạy học Giáo dục công dân đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của người học

Để dạy học GDCCD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, GV cần:

- *Chú trọng tổ chức hoạt động cho HS:* GV không nên giảng giải quá nhiều mà đóng vai trò là người tổ chức, gợi mở, khích lệ, lắng nghe và định hướng cho HS. GV cần tổ chức, hướng dẫn cho HS hoạt động khám phá, phân tích, khai thác các thông tin, xử lý các tình huống thực tiễn, các trường hợp điển hình. Tăng cường sử dụng các tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả. Coi trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.
- *Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học:* Tăng cường sử dụng các phương pháp đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương công dân tiêu biểu, sắm vai, dự án, xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày...

– *Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực:* Phương pháp dạy học cần phải giúp HS phát huy được khả năng sáng tạo, tính chủ động, tích cực và tự giác trong học tập; rèn luyện ý thức tự học, kỹ năng ứng dụng kiến thức vào thực tế và mang lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS. Tính tích cực học tập, về bản chất chính là tính tích cực nhận thức, được thể hiện ở khát vọng hiểu biết, cố gắng tâm sức và trí lực để chiếm lĩnh về kiến thức. Biểu hiện của tính tích cực học tập gồm: luôn hăng hái trả lời trước các câu hỏi của GV, bổ sung câu trả lời từ các bạn, đưa ra ý kiến của bản thân trước một vấn đề nào đó, đặt các câu hỏi và yêu cầu giải thích cận kề với những vấn đề chưa rõ, chủ động tìm kiếm, bổ sung kiến thức, kỹ năng mới, tập trung vào bài học, cố gắng hoàn thành hết bài tập được giao, kiên trì, không nản chí trước các vấn đề khó khăn,... Với phương pháp dạy học tích cực, HS sẽ đóng vai trò chủ động, tích cực tham gia vào hoạt động học tập được GV tổ chức để tự mình tìm ra kiến thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển năng lực chứ không phải tiếp thu một cách thụ động kiến thức được GV cung cấp sẵn.

– *Chú ý rèn kỹ năng cho HS:* Việc sử dụng các phương pháp dạy học cần hướng tới rèn luyện các kỹ năng mềm cho HS: 1/ Kỹ năng tự nhận thức bản thân: GV cần gợi mở để các em nhận ra và chia sẻ về những mong muốn, sở thích, trải nghiệm và những điểm cần thay đổi ở bản thân; 2/ Kỹ năng lắng nghe, chia sẻ (lắng nghe các ý kiến của các HS khác, phản biện, chia sẻ một cách phù hợp); 3/ Kỹ năng thuyết trình: GV hướng dẫn HS rèn luyện giọng nói, ngôn ngữ nói, tư thế, tác phong, cách diễn đạt thông tin; 4/ Kỹ năng biểu cảm: GV hướng dẫn HS thể hiện cảm xúc phù hợp khi tham gia các hoạt động học tập qua các biểu hiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ đúng mực; 5/ Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm: GV hướng dẫn HS cách cùng tham gia công việc học tập với bạn, tích cực tham gia thảo luận và hoàn thành các mục tiêu chung của nhóm; 6/ Kỹ năng ra quyết định: Với những tình huống trong sách GDCD 7, mỗi HS hoặc cả nhóm cần đưa ra những lựa chọn cho riêng mình. GV lưu ý chỉ dẫn các em tự quan sát, suy nghĩ, giải thích và đưa ra lựa chọn phù hợp.

– *Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả:* dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng hoá, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

– *Tăng cường sử dụng phương tiện dạy học:* Phương tiện dạy học là công cụ để thực hiện phương pháp. Để hỗ trợ cho việc vận dụng phương pháp có hiệu quả cao hơn, giúp HS học tập môn GDCD thuận lợi và có hứng thú hơn, cần sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học như: tranh ảnh, máy chiếu, video clip, thẻ học tập, phiếu thảo luận nhóm,...

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, kĩ thuật dạy học

3.2.1. Phương pháp thảo luận nhóm

– *Đặc điểm:* Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo nhóm để đưa ra phương án giải quyết một tình huống, một vấn đề nào đó liên quan đến bài học.

– *Tác dụng:* Phương pháp này được sử dụng rộng rãi nhằm giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, HS có thể chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến hay để giải quyết một vấn đề, một tình huống liên quan đến bài học. Nhờ thảo luận nhóm, kiến thức của HS sẽ không mang tính chủ quan, phiến diện mà sâu sắc, bền vững, dễ nhớ và nhớ lâu hơn; HS phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, hoà đồng, tự tin hơn, biết lắng nghe, nhận xét ý kiến của bạn, biết trình bày ý kiến của mình, biết xử lí tình huống liên quan đến bài học.

– *Cách tiến hành:* 1/ Giới thiệu vấn đề thảo luận; nêu các câu hỏi có liên quan đến vấn đề; 2/ Chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ để các nhóm tiến hành thảo luận, xác định thời gian thảo luận; 3/ HS thảo luận, nhóm trưởng hoặc thư kí ghi chép các ý kiến ra giấy; 4/ Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu có); 5/ GV nhận xét, kết luận.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:* 1/ Chủ đề thảo luận phải sát với nội dung bài học và với trình độ HS; 2/ Cách chia nhóm cần linh hoạt, luôn thay đổi để tạo điều kiện cho mỗi HS được giao lưu với tất cả HS trong lớp, tránh chỉ giới hạn trong một nhóm cố định; 3/ Nếu không khí trầm tĩnh, có thể bắt đầu cuộc thảo luận bằng một câu chuyện hoặc một bức tranh gợi ý; 4/ Kết quả thảo luận nhóm cần trưng bày trên bảng hoặc xung quanh tường của lớp học; 5/ HS được luân phiên làm nhóm trưởng, thư kí để được rèn luyện các kĩ năng cần thiết; 6/ Trong khi các nhóm thảo luận, GV phải đến từng nhóm, quan sát, lắng nghe; kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để có sự hỗ trợ, giúp đỡ, điều chỉnh kịp thời.

Ví dụ: HS thảo luận về những việc nên làm/không nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương (Bài 1: Tự hào truyền thống quê hương).

– GV chia lớp thành các nhóm để thảo luận: Một nửa lớp thảo luận về những việc nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương; nửa còn lại thảo luận về những việc không nên làm, trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận về những việc nên làm/không nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– Liên hệ bản thân: HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: Em đã làm những gì để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương mình?

- Một số HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét.
- GV nhận xét, khen ngợi những HS có việc làm tốt để thể hiện niềm tự hào về truyền thống quê hương.

3.2.2. Phương pháp sắm vai

- *Đặc điểm:* Sắm vai là phương pháp GV tổ chức cho HS thực hành cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong một tình huống giả định.
- *Tác dụng:* Sắm vai giúp HS thực hành những kĩ năng trong môi trường an toàn, được giám sát trước khi xảy ra các tình huống thực; gây được hứng thú và chú ý đối với người học; tạo điều kiện phát triển năng lực sáng tạo của HS; giúp HS thấy ngay tác dụng và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn, từ đó khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của HS.
- *Cách tiến hành:* 1/ GV giới thiệu tình huống; 2/ Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công sắm vai; 3/ Các nhóm lên sắm vai; 4/ HS quan sát, nhận xét, đánh giá; 5. GV nhận xét, kết luận.
- *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:* 1/ Tính mục đích của tình huống phải thật rõ ràng; 2/ Tình huống phải dễ sắm vai, không nên quá phức tạp; 3/ Mọi HS đều được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được sắm vai hoặc phục vụ cho việc sắm vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

Ví dụ: Sắm vai xử lí tình huống trong Bài 7: Phòng, chống bạo lực học đường:

- GV nêu yêu cầu: Em hãy dự kiến các cách ứng xử phù hợp để phòng, chống bạo lực học đường khi xuất hiện các nguy cơ sau: a/ Nhận được tin nhắn hoặc thư đe dọa từ người khác; b/ Một người bạn đang có mâu thuẫn với em hẹn em ở trường nói chuyện riêng sau giờ học; c/ Một nhóm HS cùng trường yêu cầu em gặp mặt với thái độ khó chịu.
- GV chia lớp thành các nhóm. Các nhóm thảo luận cách xử lí tình huống, xây dựng kịch bản, phân vai. Nhóm trưởng/thư kí ghi vào phiếu học tập.
- GV mời một vài nhóm lên sắm vai xử lí tình huống.
- HS khác quan sát, nhận xét, đề xuất cách xử lí khác.
- GV nhận xét, khen ngợi nhóm có cách xử lí tình huống và sắm vai tốt.

3.2.3. Phương pháp giải quyết vấn đề

- *Đặc điểm:* Giải quyết vấn đề là cách thức hướng dẫn HS phát hiện ra vấn đề, xem xét, phân tích những hiện tượng đạo đức, pháp luật,... đang tồn tại và xác định cách giải quyết vấn đề đó.
- *Cách tiến hành:* 1/ Nêu ra một tình huống, một trường hợp chứa đựng mâu thuẫn trong thực tế cuộc sống cần giải quyết; 2/ Giúp HS nêu ra được những cách khác nhau để giải quyết vấn đề; 3/ Quyết định chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:* 1/ Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu dạy học và gắn với thực tế; 2/ Phải phát huy được suy nghĩ sáng tạo của HS; 3/ Lựa chọn cách giải quyết vấn đề là giải pháp có lợi nhất, tối ưu nhất.

Ví dụ: Trên đường đi học về, Q và H phát hiện một số thanh niên lấy trộm cổ vật trong ngôi chùa cổ của làng. Q rủ H đi báo công an nhưng H từ chối và nói rằng: “Việc đó nguy hiểm lắm, nếu họ biết mình tố cáo sẽ trả thù chúng mình đấy!” (Bài 5: Bảo tồn di sản văn hoá).

– GV đặt HS vào hoàn cảnh phải giải quyết vấn đề sau khi nêu tình huống trên: Nếu là Q, em sẽ làm gì?

– HS phân tích tình huống, phân tích nguyên nhân vì sao H từ chối không đi báo công an; nêu ra một số hướng giải quyết vấn đề: 1/ Chạy thật nhanh đi báo công an hoặc người có trách nhiệm; 2/ Quan sát thật kĩ những thanh niên đó, sau đó báo lại cho những người có trách nhiệm; 3/ Thuyết phục H cùng đi với mình, nói rằng công an sẽ giữ an toàn cho những người tố cáo,...

– GV nhận xét, khen ngợi HS có cách giải quyết vấn đề đúng; có thể khéo léo nêu câu hỏi gợi ý để HS có cách giải quyết vấn đề chưa đúng tự nhận thấy mâu thuẫn trong cách xử lí của mình.

3.2.4. Phương pháp tổ chức trò chơi

– *Đặc điểm:* Tổ chức trò chơi là phương pháp dạy học có hiệu quả để thu hút sự tham gia của HS. Sử dụng trò chơi học tập để hình thành kiến thức, kĩ năng mới hoặc củng cố kiến thức, kĩ năng đã học. Trong thực tế dạy học, GV thường tổ chức trò chơi học tập để củng cố kiến thức, kĩ năng. Tuy nhiên việc tổ chức cho HS chơi các trò chơi để hình thành kiến thức, kĩ năng mới là rất cần để tạo hứng thú học tập cho HS ngay từ khi bắt đầu bài học mới.

– *Tác dụng:* 1/ Tổ chức trò chơi là một hình thức học tập bằng hoạt động, hấp dẫn HS do đó duy trì tốt hơn sự chú ý của HS với bài học; 2/ Trò chơi làm thay đổi hình thức học tập chỉ bằng hoạt động trí tuệ, do đó giảm tính chất căng thẳng của giờ học, nhất là các giờ học kiến thức lí thuyết mới; 3/ Việc tham gia trò chơi tạo cơ hội phát triển năng lực giao tiếp – hợp tác cho HS.

– *Cách tiến hành:* 1/ GV giới thiệu tên, mục đích của trò chơi; 2/ Hướng dẫn chơi: Số người tham gia, số đội tham gia, quản trò, trọng tài, các dụng cụ dùng để chơi, cách chơi (từng việc làm cụ thể của người chơi hoặc đội chơi, thời gian chơi, những điều người chơi không được làm, cách xác nhận kết quả); 3/ Thực hiện trò chơi; 4/ Nhận xét sau cuộc chơi, nêu kiến thức, kĩ năng của bài học rút ra qua trò chơi.

– *Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:* 1/ Lựa chọn những trò chơi có nội dung phù hợp với bài học. GV và HS có thể dựa trên nội dung bài học để sáng tạo ra trò chơi mới; 2/ Cần biết rõ mục đích trò chơi như: chơi để khởi động giới thiệu bài, để thư giãn hay chuyển tải, củng cố kiến thức,...; 3/ Cần nắm được quy tắc chơi và

tôn trọng luật chơi; 4/ Phải dễ tổ chức và thực hiện; 5/ Sau khi chơi, HS cần rút ra được bài học thông qua trò chơi.

Ví dụ: Trò chơi “Ai nhanh hơn?” (Bài 4: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ): Tìm các câu ca dao, tục ngữ về quan tâm, cảm thông và chia sẻ. GV chia lớp thành các nhóm, phát giấy và bút dạ để các nhóm ghi kết quả tìm kiếm. Nhóm nào tìm được nhiều câu đúng hơn sẽ thắng.

Hoặc GV có thể tổ chức trò chơi “Đối mặt”, mời 4 – 5 HS đứng thành vòng tròn, tới lượt bạn nào thì bạn đó phải đọc nhanh một câu ca dao, tục ngữ về quan tâm, cảm thông và chia sẻ, không được trùng với câu mà các bạn khác đã đọc, bạn còn lại cuối cùng sẽ chiến thắng.

3.2.5. Phương pháp điều tra

– *Đặc điểm:* Điều tra là phương pháp tổ chức cho HS tìm hiểu thực trạng cuộc sống xung quanh liên quan tới nội dung giáo dục của chủ đề/bài học.

– *Tác dụng:* 1/ Hình thành kĩ năng thu thập, xử lí, trình bày và truyền đạt thông tin; 2/ Kết nối tri thức với cuộc sống, tạo điều kiện để HS tìm hiểu những vấn đề thực tiễn gắn với bài học, phát hiện và làm phong phú hơn những vấn đề đã học.

– *Cách tiến hành:*

+ Chuẩn bị: 1/ Xác định mục đích, nội dung, đối tượng điều tra; 2/ Dự kiến thời gian, hình thức, địa điểm điều tra, cách tiến hành điều tra, cách đánh giá kết quả, phối hợp các lực lượng giáo dục để hỗ trợ HS; 3/ Chuẩn bị phiếu điều tra.

+ Thực hiện: 1/ GV giới thiệu nội dung điều tra; 2/ Phân công nhiệm vụ điều tra cho HS; 3/ Hướng dẫn HS điều tra, ghi chép và xử lí thông tin.

+ Báo cáo kết quả điều tra: 1/ HS báo cáo kết quả điều tra; 2/ Các HS khác nhận xét; 3/ GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

– *Những điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:* 1/ Nội dung điều tra cần phù hợp với chủ đề/bài học giáo dục, khả năng, kinh nghiệm của HS và điều kiện thực tế; 2/ Nhiệm vụ điều tra mang ý nghĩa xã hội, có tác dụng giáo dục thiết thực; 3/ HS được tổ chức theo nhóm (mỗi nhóm nhiều trình độ; các nhóm trình độ tương đương) để tạo ra sự cân sức giữa các nhóm; 4/ Nên tạo điều kiện cho các nhóm có sản phẩm điều tra tốt lên trình bày; HS được giải thích cách điều tra, tranh luận, bổ sung ý kiến cho nhau.

Ví dụ: Điều tra về việc bảo tồn di sản văn hoá, về tình hình bạo lực học đường ở địa phương em,...

3.2.6. Phương pháp dạy học dự án

– *Đặc điểm:* Dạy học dự án là phương pháp trong đó HS dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của GV để thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, nhằm tạo ra sản phẩm và giới thiệu chúng.

– *Tác dụng*: Đây là một hình thức dạy học lấy HS làm trung tâm, giúp HS phát triển kiến thức và các kĩ năng liên quan thông qua những nhiệm vụ mang tính mở, khuyến khích HS tìm tòi, hiện thực hoá những kiến thức đã học trong quá trình thực hiện và tạo ra những sản phẩm của chính mình.

– *Cách tiến hành*:

Bước 1: Chuẩn bị: Lập kế hoạch: Xác định chủ đề dự án, mục tiêu cần hướng tới, nhiệm vụ phải làm, sản phẩm dự kiến, cách triển khai và thực hiện hoàn thành dự án, thời gian thực hiện và hoàn thành, phân công công việc.

Bước 2: Thực hiện dự án: 1/ Thu thập thông tin qua nhiều kênh như: Internet, báo chí, truyền hình, thư viện,...; quan sát, điều tra, phỏng vấn,...; 2/ Xử lý thông tin qua thống kê, phân tích số liệu; 3/ Thảo luận nhóm, trao đổi, chia sẻ dữ liệu, giải quyết vấn đề, kiểm tra tiến độ, xin ý kiến GV.

Bước 3: Kết thúc dự án: Tổng hợp kết quả: 1/ Xây dựng sản phẩm (bài thuyết trình, báo cáo,...); 2/ Trình bày sản phẩm; 3/ Đánh giá dự án: Giá trị của sản phẩm, bài học rút ra, tinh thần làm việc nhóm, những điểm cần phát huy, những điểm cần thay đổi, cải thiện.

– *Những điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này*: 1/ Dự án cần góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống; 2/ Nhiệm vụ dự án cần phù hợp với trình độ và khả năng của HS; 3/ Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp; 4/ Đối với HS cấp THCS, các dự án học tập nên được thực hiện theo nhóm.

Ví dụ: Cùng các bạn trong nhóm lập kế hoạch tổ chức một hoạt động tuyên truyền về phòng, chống bạo lực học đường tại địa phương em.

3.2.7. Kỹ thuật kích thích tư duy

– *Đặc điểm*: Kích thích tư duy là một kĩ thuật dạy học dựa vào những hiểu biết sẵn có của HS, đặt ra một hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích để HS liên tưởng giữa điều đã biết với thực tiễn, hình thành ở các em ý tưởng mới, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn để HS hiểu các vấn đề đạo đức, pháp luật.

– *Tác dụng*: 1/ Huy động trải nghiệm của HS vào quá trình dạy học; 2/ Phát triển kĩ năng phản biện, năng lực tư duy sáng tạo của HS.

– *Cách tiến hành*: 1/ Qua một số câu hỏi gợi mở, GV nêu vấn đề cần được tìm hiểu trước HS cả lớp hoặc trước nhóm, để HS suy nghĩ; 2/ Khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến; 3/ Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu trên bảng hoặc giấy to, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp; 4/ Phân loại các ý kiến; 5/ Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận sâu từng ý kiến; 6/ Tổng hợp ý kiến, giải đáp thắc mắc, kết luận.

Kĩ thuật này được áp dụng trong tất cả các bài học GD CD lớp 7.

3.2.8. Kỹ thuật khăn trải bàn

– **Đặc điểm:** Kỹ thuật khăn trải bàn là cách thức tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm. HS sử dụng giấy khổ lớn để ghi nhận ý kiến cá nhân và ý kiến thống nhất chung của nhóm vào các phần được bố trí như khăn trải bàn.

– **Tác dụng:** 1/ Thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS trong quá trình học tập theo nhóm; 2/ Huy động trí tuệ tập thể của nhóm trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ; 3/ Có công cụ để ghi nhận kết quả làm việc của cá nhân và thảo luận nhóm. Tuy nhiên, kỹ thuật này đòi hỏi về không gian lớp học và đồ dùng dạy học phù hợp (giấy khổ lớn, bút dạ,...); cần thời gian phù hợp để HS làm việc cá nhân và thống nhất ý kiến trong nhóm.

– **Cách tiến hành:** 1/ HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 HS. Mỗi nhóm có một tờ giấy khổ lớn; 2/ HS chia tờ giấy thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm; 3/ Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh; 4/ Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm ghi các ý tưởng được thống nhất vào phần trung tâm của “khăn trải bàn”.



3.2.9. Kỹ thuật các mảnh ghép

– **Đặc điểm:** Kỹ thuật các mảnh ghép là cách thức tổ chức hoạt động học tập hợp tác, trong đó HS sẽ hoàn thành một nhiệm vụ phức hợp qua hai giai đoạn. Đầu tiên, HS hoạt động theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ thành phần sao cho mỗi cá nhân trở thành chuyên gia của vấn đề được giao. Sau đó, chuyên gia thuộc các vấn đề khác nhau sẽ kết

hợp trong nhóm mới, chia sẻ lại vấn đề đã tìm hiểu để cùng giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.

– *Tác dụng*: 1/ Kỹ thuật dạy học này giúp giải quyết được nhiệm vụ phức hợp dựa trên học tập hợp tác hiệu quả; 2/ Khuyến khích sự tham gia tích cực của HS trong hoạt động nhóm, nâng cao vai trò cá nhân trong quá trình hợp tác; 3/ Phát triển năng lực giao tiếp cho mỗi HS thông qua việc chia sẻ trong nhóm mảnh ghép; 4/ Tạo cơ hội cho HS hiểu sâu một vấn đề. HS không những hoàn thành nhiệm vụ mà còn phải chia sẻ cho người khác.

Tuy nhiên, kỹ thuật này đòi hỏi thời gian hoạt động dài khi tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập với hai nhóm khác nhau trong hai vòng.

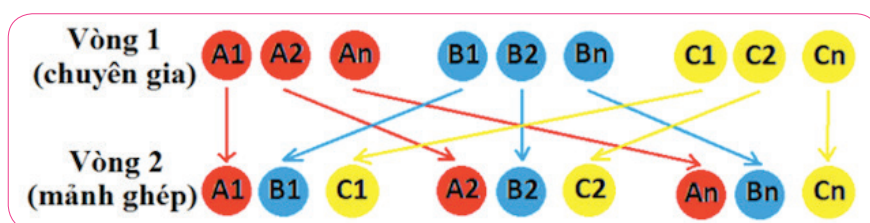
– *Cách tiến hành*:

+ Vòng 1: Nhóm chuyên gia

- Hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm được phân công một nhiệm vụ cụ thể.
- Khi thực hiện nhiệm vụ học tập, nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên đều trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm ở vòng 2.

+ Vòng 2:

- Hình thành nhóm mảnh ghép sao cho các nhóm có tối thiểu một thành viên đến từ mỗi nhóm chuyên gia.
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mảnh ghép chia sẻ đầy đủ với nhau.
- Sau khi tất cả các thành viên chia sẻ, các nhóm mảnh ghép thảo luận và thống nhất phương án giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.



3.3. Hướng dẫn dạy học một số dạng bài cụ thể

3.3.1. Dạng bài giáo dục đạo đức

Trong chương trình môn GDCCD lớp 7, mạch nội dung giáo dục đạo đức chiếm 35% nội dung chương trình với 5 chủ đề/bài học: 1/ Tự hào về truyền thống quê hương; 2/ Quan tâm, cảm thông và chia sẻ; 3/ Học tập tự giác, tích cực; 4/ Giữ chữ tín; 5/ Bảo tồn di sản văn hoá.

Kết quả quan trọng nhất của bài giáo dục đạo đức là giáo dục được hành vi và thói quen đạo đức cho HS. Vì vậy, GV cần tổ chức các hoạt động để HS tự phát hiện tri thức,

nhận xét hành vi, xử lý tình huống, liên hệ bản thân, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống. HS được suy nghĩ, được phát biểu, được trao đổi, luyện tập, thực hành, vận dụng tri thức vào cuộc sống nhiều hơn. Qua việc tham gia các hoạt động, tri thức đạo đức sẽ bền vững và hành vi đạo đức sẽ tự giác, thực chất hơn.

Một số điểm cần lưu ý khi thiết kế các hoạt động dạy học dạng bài giáo dục đạo đức:

- Căn cứ vào mục tiêu của bài giáo dục đạo đức để xây dựng các hoạt động dạy học phù hợp. Việc xác định mục tiêu của bài học căn cứ vào yêu cầu của chương trình, lượng hoá thành các động từ thể hiện mức độ phát triển năng lực: Nêu được – Phân tích được, giải thích được – Lựa chọn được, nhận xét được – Xử lý được – Phê phán được – Thực hiện được,...

- Đảm bảo tính logic của bài giáo dục đạo đức: Từ việc khám phá các chuẩn mực hành vi đạo đức qua mẫu hành vi (câu chuyện, thông tin, tình huống đạo đức,...) tới bài học đạo đức (Làm gì? Làm như thế nào? Vì sao phải làm thế?); sau đó tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng vào thực tiễn. Dạy học đạo đức là dạy ý thức đạo đức, tình cảm đạo đức và hành vi đạo đức. Vì vậy, GV cần khơi gợi được xúc cảm, tình cảm đạo đức tốt đẹp cho HS qua những biểu tượng hành vi trong truyện kể, tình huống đạo đức.

- Dạy học đạo đức là giáo dục các chuẩn mực hành vi đạo đức. Vì vậy, GV cần tổ chức các hoạt động để HS tự phát hiện tri thức, nhận xét hành vi, xử lý tình huống, liên hệ bản thân, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống. HS được suy nghĩ, được nói, được trao đổi, luyện tập, thực hành, vận dụng tri thức vào cuộc sống nhiều hơn. Qua việc tham gia các hoạt động, tri thức đạo đức sẽ bền vững và hành vi đạo đức sẽ tự giác, thực chất hơn.

- Các hoạt động phải có nội dung phù hợp với bài học, phù hợp với đối tượng HS và điều kiện thực tế.

- Việc thiết kế các hoạt động cần đảm bảo: tên hoạt động, mục tiêu, các bước tổ chức hoạt động.

- Hình thức, phương pháp dạy học cần phong phú, đa dạng, phát huy được tính tích cực của HS.

3.3.2. Dạng bài giáo dục kỹ năng sống

Giáo dục kỹ năng sống là rèn luyện kỹ năng vận dụng những tri thức, kinh nghiệm và những cách thức hành động đúng đắn để thực hiện có hiệu quả hành động đó trong những điều kiện khác nhau của cuộc sống. Ở cấp THCS, giáo dục kỹ năng sống trang bị cho HS những kỹ năng cần thiết, phù hợp với lứa tuổi; hình thành những hành vi, thói quen lành mạnh, loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực. Đó là kỹ năng tự phục vụ bản thân, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân, kỹ năng tự bảo vệ bản thân. Trong Chương trình GDPT mới, môn GDCD cấp THCS có 20% giáo dục kỹ năng sống. Ở lớp 7, giáo dục kỹ năng sống gồm các bài: Ứng phó với tâm lý căng thẳng và Phòng, chống bạo lực học đường.

Để dạy học dạng bài giáo dục kỹ năng sống đạt hiệu quả, GV cần:

- Chuẩn bị tốt các phương tiện, đồ dùng dạy học để HS thực hành.
- Thiết lập mối quan hệ gần gũi, thân thiện giữa GV và HS, HS và HS trong lớp học.
- Dùng tình huống, câu chuyện, việc làm,... cụ thể, sát thực để minh họa cho các kỹ năng.
- Tăng cường các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực: phương pháp thảo luận nhóm, sắm vai, trò chơi, luyện tập theo mẫu hành vi,...
- Từ việc giáo dục kỹ năng, GV cần hướng tới giáo dục giá trị sống cho HS.

Lưu ý:

- Việc dạy kỹ năng sống chỉ thực sự có hiệu quả khi HS được rèn luyện thường xuyên và mang tính hệ thống. Vì vậy, ngoài những chủ đề giáo dục kỹ năng sống trong chương trình GDCD, GV cần tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong các bài giáo dục đạo đức, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật.
- Tạo cơ hội cho HS luôn được thực hành và có cơ hội để thực hành thông qua các hoạt động.
- Cần chủ động, linh hoạt trong việc áp dụng, tổ chức các hoạt động đã được gợi ý trong sách GV. GV có thể điều chỉnh câu chữ, ngôn từ, cách thiết kế các hoạt động sao cho phù hợp nhất với đặc điểm tâm – sinh lý của HS lớp mình dạy cũng như các điều kiện thực tế của lớp học.
- Cần phối hợp với các lực lượng giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội) trong giáo dục kỹ năng sống cho HS.

3.3.3. Dạng bài giáo dục kinh tế

Trong môn GDCD, giáo dục kinh tế hỗ trợ HS phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi tài chính; giúp HS thiết lập thói quen quản lý tài chính, có kỹ năng đưa ra các quyết định tài chính hợp lý. Ở cấp THCS, giáo dục kinh tế giúp HS có kiến thức ban đầu về tài chính, có kỹ năng và sự tự tin áp dụng kiến thức đó vào bối cảnh thực tế, duy trì và phát triển các hành vi tích cực theo thời gian, bao gồm việc đưa ra quyết định tài chính hợp lý, sáng suốt, phù hợp với lứa tuổi. Đó là kỹ năng tiết kiệm, lập kế hoạch chi tiêu, xác định nhu cầu và mong muốn về tài chính, làm từ thiện,... Ở lớp 7, mạch nội dung giáo dục kinh tế có một chủ đề “Quản lý tiền” với 10% thời lượng chương trình.

Để dạy học dạng bài giáo dục kinh tế đạt hiệu quả, GV cần:

- Cập nhật những tri thức hiện đại về quản lý tài chính cá nhân: Ở Việt Nam, một số HS lớp 7 vẫn chưa được bố mẹ cho tiền để tiêu riêng, một phần do hoàn cảnh gia đình khó khăn, một phần do phụ huynh có tâm lý e ngại cho tiền sẽ làm hư con. Bởi vậy, một số HS chưa có trải nghiệm về quản lý tiền. GV cần làm rõ tầm quan trọng của vấn đề bằng những ví dụ thực tiễn sinh động để giúp HS tích cực, chủ động hơn trong quá trình học.
- Phát huy năng lực tự chủ – tự học của HS bằng việc định hướng HS khai thác triệt để kiến thức đã có từ lớp trước trong quá trình khám phá kiến thức của lớp sau. Cấu trúc

mạch giáo dục kinh tế trong chương trình theo đường xoáy ốc, đồng tâm, phát triển (Lớp 4 “Quý trọng đồng tiền” – Lớp 5 “Sử dụng tiền hợp lý” – Lớp 6 “Tiết kiệm” – Lớp 7 “Quản lý tiền” – Lớp 8 “Lập kế hoạch chi tiêu” – Lớp 9 “Tiêu dùng thông minh”). Mặc dù giáo dục kinh tế là mạch nội dung giáo dục mới trong chương trình môn GDCD song HS không quá ngỡ ngàng trong quá trình học, một phần do cấu trúc logic này.

– Dùng tình huống, câu chuyện, việc làm,... cụ thể, sát thực với đời sống kinh tế để tăng tính hấp dẫn, giúp HS tiếp cận bài học có hiệu quả hơn.

– Tăng cường các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực: Bên cạnh những phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống, GV cần sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học hiện đại, phù hợp với đặc thù bài giáo dục kinh tế: phương pháp điều tra, dự án,...; kĩ thuật dạy học theo góc, dạy học theo trạm,...

3.3.4. Dạng bài giáo dục pháp luật

Ở lớp 7, mạch nội dung giáo dục pháp luật có 02 chủ đề: “Phòng, chống tệ nạn xã hội”, “Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình”, chiếm 25% thời lượng chương trình.

Để dạy học dạng bài giáo dục pháp luật đạt hiệu quả, GV cần lưu ý:

– Xác định rõ mục tiêu của bài học:

1/ Hình thành ở HS ý thức về những chuẩn mực hành vi pháp luật, từ đó định hướng cho các em những giá trị phù hợp với những chuẩn mực đó.

HS cần biết được:

+ Yêu cầu của chuẩn mực hành vi pháp luật.

+ Sự cần thiết của việc thực hiện chuẩn mực hành vi pháp luật (tác dụng của việc làm đúng, tác hại của việc làm sai,...).

+ Cách thực hiện chuẩn mực hành vi pháp luật (việc nào cần làm, việc nào cần tránh).

2/ Giáo dục cho HS thái độ đúng đắn liên quan tới các chuẩn mực hành vi pháp luật:

+ Tích cực, tự giác thực hiện chuẩn mực hành vi.

+ Đồng tình với hành vi đúng, phê phán hành vi sai.

3/ Hình thành ở HS hành vi, kĩ năng phù hợp với các chuẩn mực hành vi pháp luật, từ đó rèn luyện thói quen chấp hành pháp luật. HS biết:

+ Tự nhận xét hành vi của bản thân.

+ Nhận xét, đánh giá hành vi của người khác.

+ Xử lý tình huống pháp luật.

+ Thực hiện thao tác, hành động đúng theo mẫu qua trò chơi, sắm vai.

+ Điều tra, đánh giá những vấn đề thực tiễn liên quan tới bài học.

+ Thực hiện được các hành vi tích cực trong cuộc sống hằng ngày phù hợp với các chuẩn mực hành vi pháp luật.

– Những phẩm chất, năng lực chính được hình thành qua dạng bài giáo dục pháp luật:

+ Phẩm chất trung thực, trách nhiệm

+ Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.

- Đảm bảo tính logic của bài giáo dục pháp luật: Từ việc khám phá chuẩn mực hành vi pháp luật đến luyện tập hành vi và vận dụng vào trong thực tiễn.
- Chú ý tổ chức các hoạt động phù hợp với mục tiêu bài học, phù hợp với đối tượng HS và hoàn cảnh thực tế.

4 HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Việc đánh giá kết quả học tập môn GDCC căn cứ Theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá HS THCS, THPT.

4.1. Mục đích

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình GDPT môn GDCC; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, CBQLGD và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

4.2. Yêu cầu

- Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình GDPT môn GDCC.
- Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.
- Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kĩ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của HS; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của HS; không so sánh HS với nhau.

4.3. Hình thức đánh giá

Môn GDCC là môn học kết hợp hai hình thức đánh giá:

– *Đánh giá bằng nhận xét:*

- + GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.
- + HS dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.
- + Cha mẹ HS, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

+ Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của HS được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.

– *Đánh giá bằng điểm số:*

+ GV dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

+ Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.

+ Kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

4.4. Nội dung đánh giá

Việc đánh giá sẽ được xác định trên mức độ đạt được của HS về những phẩm chất và năng lực sau:

– Những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Những năng lực cốt lõi:

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực đặc thù của môn GD&CD: năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

4.5. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì

Đánh giá kết quả trong môn GD&CD được thực hiện thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

4.5.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình GDPT; cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS; xác nhận kết quả đạt được của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

4.5.2. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình GDPT; cung cấp thông tin phản hồi cho CBQLGD, GV, HS để điều chỉnh hoạt động dạy học; xác nhận kết quả đạt được của HS.

Đánh giá định kì, gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

– Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn GD CD là **45 phút**.

– Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, để kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình GDPT.

– Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình GDPT trước khi thực hiện.

Trong mỗi học kì, môn GD CD đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là ĐĐG_{gk}) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là ĐĐG_{ck}).

Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx}: Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

– Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI}: Điểm trung bình môn học kì I.

ĐTB_{mhkII}: Điểm trung bình môn học kì II.

4.6. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Giáo dục công dân

4.6.1. Đánh giá qua lời nói

Bằng phương pháp này, GV có thể kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS. Về tri thức, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Là gì? Như thế nào? Vì sao? Ví dụ: Thế nào là quan tâm, cảm thông và chia sẻ? Em cần làm gì để thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ? Vì sao em cần quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác? (Bài 2: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ). Về hành vi, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi: Em đã làm điều đó như thế nào? Ví dụ: Em đã làm gì để thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác? Về thái độ, GV có thể yêu cầu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi của mình hoặc bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến, hành vi có liên quan đến bài học. Ví dụ: Theo em, hành động nào không thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ? (Nêu một số trường hợp để HS nhận xét và giải thích sự bày tỏ

thái độ của mình). Ở mức độ cao hơn, GV có thể cho HS trình bày ý kiến xử lý tình huống trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Ví dụ: Em sẽ làm gì trong các tình huống sau đây? (Nêu ra một số tình huống để HS đề xuất cách xử lý).

4.6.2. Đánh giá qua bài viết

Có hai hình thức: trắc nghiệm, tự luận (có thể kết hợp cả hai).

Ví dụ 1: Câu tục ngữ, thành ngữ nào dưới đây phản ánh sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ? (Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn)

A. Thương người như thể thương thân

B. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ

C. Chị ngã em nâng

D. Yêu nhau lắm, cắn nhau đau

E. Chia ngọt sẻ bùi

G. Nhường cơm sẻ áo

H. Yêu nên tốt, ghét nên xấu.

Ví dụ 2: Em hãy kể về một tấm gương biết giữ chữ tín và chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của em về tấm gương đó.

4.6.3. Đánh giá qua quan sát hành động, việc làm của học sinh

GV quan sát HS trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia hoạt động học tập và hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề về đạo đức, pháp luật trong cuộc sống thực tiễn. Ví dụ: GV có thể quan sát HS thể hiện việc tự giác, tích cực học tập của HS trong lớp như thế nào qua thái độ, việc làm cụ thể như: học bài, làm bài không cần phải nhắc nhở, tích cực tham gia hoạt động nhóm, lắng nghe thầy, cô giáo giảng bài, tích cực phát biểu, hỏi thầy cô và bạn bè những vấn đề mình chưa hiểu,... (Bài 3: Học tập tự giác, tích cực).

4.6.4. Đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh

GV nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS theo từng nội dung giáo dục: đánh giá qua phiếu học tập, báo cáo kết quả điều tra, dự án,...

Ví dụ: Đánh giá bài viết giới thiệu về di sản văn hoá quê hương; tranh ảnh/tư liệu sưu tầm về các di tích văn hoá của quê hương, đất nước,... (Bài 5: Bảo tồn di sản văn hoá).

5 GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC

5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên môn Giáo dục công dân

5.1.1. Kết cấu sách giáo viên

SGV môn GDCD 7 gồm hai phần:

Phần một: Những vấn đề chung

Hướng dẫn và định hướng GV về: mục tiêu, nội dung chương trình môn GDCD cấp THCS và yêu cầu đối với môn GDCD 7; tài liệu và phương tiện dạy học; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, đánh giá môn GDCD 7.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Hướng dẫn GV xác định mục tiêu bài học; chuẩn bị thiết bị dạy học và học liệu cho bài học; hướng dẫn các hoạt động dạy học chủ yếu trong các bài cụ thể.

5.1.2. Sử dụng sách GV hiệu quả

SGV môn GDCD lớp 7 là tài liệu giúp GV thực hiện chương trình và nâng cao chất lượng dạy học GDCD. Sách giúp GV có được những hiểu biết cơ bản về dạy học môn GDCD lớp 7. Trên cơ sở những gợi ý của sách, GV có thể xây dựng kế hoạch bài học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng HS, điều kiện trường lớp, địa phương và năng lực GV. Ví dụ: Sách gợi ý sử dụng phương tiện dạy học là SGK, tranh ảnh, bài hát, video,... tuy nhiên với những nơi có điều kiện thuận lợi, GV có thể sử dụng video, máy chiếu, tranh ảnh khổ lớn,...; những nơi không có điều kiện thuận lợi, GV có thể cho HS quan sát tranh ảnh, đọc thông tin trong SGK. GV cũng có thể dùng hình thức mở đầu khác với gợi ý của sách (bài hát, trò chơi khác, hoạt động khác,...); sử dụng câu chuyện, thông tin, tranh ảnh, tình huống khác để khám phá tri thức; sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học khác để tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng. GV cũng có thể điều chỉnh thời gian phân bổ cho từng chủ đề (đây là điểm khác so với sách cũ, chương trình cũ). Tuy nhiên, mọi sự sáng tạo của GV phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình và phải đảm bảo tỉ lệ theo quy định của chương trình.

5.2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo môn Giáo dục công dân

Bài tập GDCD 7 là phương tiện bổ trợ cho GV và HS trong quá trình dạy – học môn GDCD. Các bài tập được xây dựng theo yêu cầu cần đạt của môn GDCD lớp 7 nói chung và từng chủ đề bài học nói riêng, phù hợp với tiến trình bài học và quy luật nhận thức của HS, từ bài tập nhận biết đến bài tập thông hiểu, bài tập vận dụng. Các dạng bài tập trong sách gồm: 1/ Bài tập nhiều lựa chọn: Một câu hỏi có khoảng 4 – 5 phương án trả lời, trong đó chỉ có một phương án đúng; lựa chọn việc nên làm – không nên

làm với các tình huống đúng – sai tương đương,...; 2/ Bài tập nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và của người khác; 3/ Bài tập xử lý tình huống; 4/ Bài tập rèn luyện hành vi; 5/ Bài tập liên hệ bản thân; 6/ Bài tập liên hệ thực tế;...

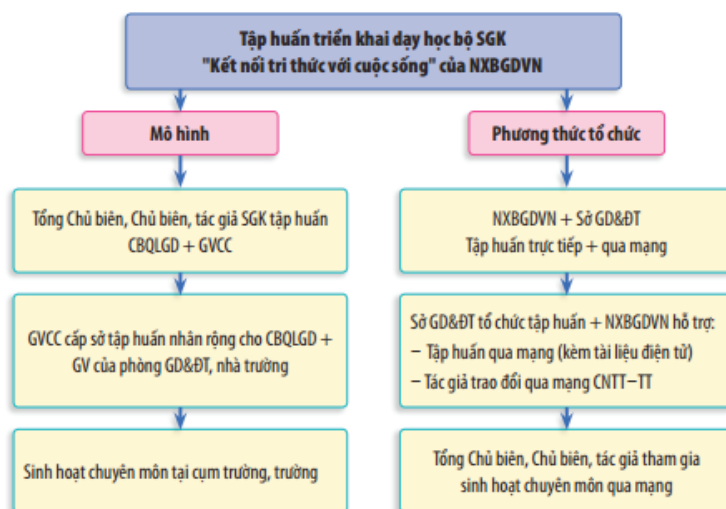
Trên đây là những dạng bài tập cơ bản trong dạy học môn GD&ĐT 7. GV có thể sử dụng các bài tập này trong các giờ GD&ĐT hoặc cho HS làm bài tập vào giờ học buổi chiều. Ngoài ra, GV có thể đưa ra một số dạng bài tập khác cho HS luyện tập. Giống như sách GV, Bài tập GD&ĐT 7 cũng không mang tính pháp lệnh mà chỉ là công cụ hỗ trợ cho GV trong quá trình dạy học. HS không bắt buộc phải làm tất cả các bài tập trong sách này.

5.3. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử, thiết bị giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

5.3.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Việc tập huấn dạy học theo SGK mới lớp 7 của NXBGDVN được thực hiện theo phương thức kết hợp giữa tập huấn qua mạng và tập huấn trực tiếp (Blended training). NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (taphuan.nxbgd.vn) nhằm đảm bảo cho tất cả GV, CBQLGD được tiếp cận trực tiếp bài giảng cũng như những giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK lớp 7 để tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học các môn theo SGK mới lớp 7 vào giảng dạy và quản lý giảng dạy tại địa phương. Hệ thống tập huấn qua mạng hỗ trợ sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, trường sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” của NXBGDVN triển khai, quản lý công tác tập huấn tại địa phương. Bên cạnh đó, các tính năng tương tác qua mạng như facebook, zalo, viber, email,... được phát triển để người học và người dạy có thể trao đổi, hỏi đáp, thảo luận với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên, họa sĩ và đội ngũ hỗ trợ của NXBGDVN.

Phương thức tổ chức tập huấn được thực hiện theo mô hình sau:



5.3.2 Cách thức khai thác và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên trong việc tổ chức Giáo dục công dân 7

– Các học liệu, tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng, bao gồm:

- + Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo chương trình, SGK mới;
- + Các video tiết học minh họa;
- + Video giới thiệu tổng quan bộ sách và các video giới thiệu những nét đặc trưng, nổi bật về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học theo từng môn học, hoạt động giáo dục;
- + Bộ câu hỏi thường gặp và giải đáp được tổng hợp, chắt lọc từ những đợt hội thảo, tập huấn GV, CBQLGD triển khai dạy học theo bộ SGK “Kết nối tri thức với cuộc sống” lớp 7 của NXBGDVN;
- + Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng;
- + Bộ các công cụ tiện ích để CBQLGD, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của NXBGDVN và trao đổi kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc;
- + Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và để tổ chức tập huấn GV của sở, phòng GD&ĐT, sinh hoạt chuyên môn tại cụm trường, trường.
- Lợi ích của hệ thống tập huấn qua mạng đối với cơ quan quản lý giáo dục, GV, CBQLGD:
- + Được chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả tập huấn, hỗ trợ nên tránh được “Tam sao thất bản”;
- + Thường xuyên cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ do hệ thống luôn được cập nhật và hoạt động 24/7;
- + Sau tập huấn triển khai SGK mới, các GV, CBQLGD được tuyển dụng mới có thể truy cập hệ thống tập huấn qua mạng để tự bồi dưỡng;
- + Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn cho các cấp quản lý giáo dục sở, phòng GD&ĐT, trường.

– Giới thiệu về hệ thống sách điện tử – hanhtrangso.nxbgd.vn:

Đồng thời với việc xuất bản SGK giấy, nhằm mục đích hỗ trợ triển khai SGK mới, SGK điện tử là dịch vụ gia tăng dành cho đơn vị, cá nhân sử dụng SGK mới in trên giấy của NXBGDVN. Trên nền tảng ứng dụng CNTT-TT, SGK điện tử của NXBGDVN mang lại những ưu việt sau:

1/ Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 7 trong bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” là phiên bản điện tử của SGK mới lớp 7 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

- + Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, clip, video,...; Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK;

- + Sách bổ trợ, sách GV;
- + Hướng dẫn trả lời các câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video, để kiểm tra và đáp án, đánh giá kết quả trải nghiệm, thí nghiệm số hoá, bài elearning, giáo án, bài giảng;
- + Hỏi đáp, tương tác với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của cuốn sách và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN;
- + Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách;
- + Tự học qua mạng (elearning). SGK điện tử được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan. SGK điện tử “động hoá” được các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức, trải nghiệm; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức, hình thành kinh nghiệm mới.

2/ Cập nhật, phát triển không ngừng

Nội dung SGK điện tử được cập nhật thường xuyên. Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất:

- + Không ngừng hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống;
- + Không ngừng hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

3/ Công nghệ

- + Hệ thống sách điện tử cho phép chạy trên nền web, sử dụng các trình duyệt phổ biến như IE, FireFox, Chrome; thiết bị sử dụng là PC, máy tính bảng và điện thoại thông minh;
- + Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ dùng cho mọi GV, HS, phụ huynh HS ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc;
- + Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về Internet.

4/ Dịch vụ hỗ trợ 24/7

- + Tổng hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/ trả lời thường xuyên (Q&A);
- + Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống;
- + Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục;
- + Đội ngũ hỗ trợ, giải đáp thắc mắc, tư vấn cho người dùng GV, phụ huynh, HS.

5.3.3. Thiết bị giáo dục môn Giáo dục công dân 7

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS. Căn cứ theo thông tư trên, NXBGDVN đã triển khai làm các thiết bị và học liệu cho môn GD CD lớp 7 như sau:

- Bộ tranh về truyền thống gia đình, dòng họ. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được một số biểu hiện truyền thống gia đình dòng họ.
- Tranh về truyền thống quê hương. Mục đích sử dụng: Giúp HS nhận biết được một số truyền thống quê hương.
- Bộ tranh về tình yêu thương con người. Mục đích sử dụng: Giúp HS nhận biết được một số việc làm thể hiện lòng yêu thương con người.
- Tranh về việc học tập tự giác tích cực của HS. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được hành vi học tập tự giác tích cực.
- Tranh về cách ứng phó với tình huống căng thẳng. Mục đích sử dụng: Giúp HS biết cách ứng phó với tình huống căng thẳng.
- Tranh về phòng, chống bạo lực học đường. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được cách phòng, chống bạo lực học đường.
- Tranh thể hiện hoạt động quản lý tiền của HS. Mục đích sử dụng: Giúp HS nhận biết được ý nghĩa và những nguyên tắc quản lý tiền.
- Tranh về tệ nạn xã hội. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được cách phòng, chống tệ nạn ma túy.
- Video/clip về bảo tồn di sản văn hoá. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được một số di sản văn hoá ở Việt Nam và những việc cần làm và không nên làm đối với việc bảo tồn di sản văn hoá.
- Bộ dụng cụ thực hành tiết kiệm. Mục đích sử dụng: HS có ý thức về quản lý tài chính cá nhân và biết thực hiện một số bước đơn giản để thực hành tiết kiệm.

5.4. Khai thác thiết bị dạy học trong dạy học Giáo dục công dân 7

Cần lưu ý một số yêu cầu sau trong việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn GDCCD lớp 7:

- Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học.
- Tạo điều kiện để HS được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học, qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kỹ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.
- Khuyến khích sử dụng các phương tiện hiện đại đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống để giúp HS hứng thú, tích cực học tập hơn, đồng thời giúp GV tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả dạy học.
- Khuyến khích sử dụng thiết bị dạy học tự làm của GV và HS, không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.
- Sử dụng linh hoạt, phối hợp các thiết bị dạy học.

**1 QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN****1.1. Hai kiểu cấu trúc kế hoạch bài dạy (giáo án)**

Việc thiết kế kế hoạch bài dạy thực hiện theo Khung Kế hoạch bài dạy (Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT).

KIỂU 1**KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

Trường:.....
Tổ:.....

Họ và tên giáo viên:

TÊN BÀI DẠY:

Môn học/Hoạt động giáo dục:; Lớp:.....

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức
2. Về năng lực
3. Về phẩm chất

II. Thiết bị dạy học và học liệu**III. Tiến trình dạy học**

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu
 - a) Mục tiêu
 - b) Nội dung

c) Sản phẩm

d) Tổ chức thực hiện

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1

a) Mục tiêu

b) Nội dung

c) Sản phẩm

d) Tổ chức thực hiện

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

b) Nội dung

c) Sản phẩm

d) Tổ chức thực hiện

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

b) Nội dung

c) Sản phẩm

d) Tổ chức thực hiện

KIỂU 2

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

b. Tổ chức hoạt động

Bước 1

Bước 2

Bước 3

Bước 4

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1:

a. Mục tiêu

b. Tổ chức hoạt động

Bước 1

Bước 2

Bước 3

Bước 4

Hoạt động 2:

Hoạt động 3:

3. Hoạt động luyện tập

4. Hoạt động vận dụng.

Về cơ bản, kiểu 1 và kiểu 2 đều giống nhau ở phần I và phần II. Riêng phần III. Tiến trình dạy học, kiểu 2 có sự sắp xếp khác hơn so với kiểu 1, song về cơ bản vẫn đảm bảo được yêu cầu theo tinh thần của Công văn số 5512. SGK GD&ĐT – bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” lựa chọn cách trình bày kế hoạch bài dạy theo kiểu 2. Tuy nhiên, GV dạy GD&ĐT hoàn toàn có thể lựa chọn kiểu nào mà mình cảm thấy phù hợp và để triển khai nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình.

1.2. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy môn Giáo dục công dân

1.2.1. Xác định mục tiêu bài dạy

Xác định mục tiêu bài dạy trên 3 phương diện:

- *Về kiến thức*: Nêu cụ thể nội dung kiến thức HS cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục/chủ đề tương ứng trong chương trình môn GD&ĐT.
- *Về năng lực*: Nêu cụ thể yêu cầu HS làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn GD&ĐT.
- *Về phẩm chất*: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

Lưu ý: Sử dụng các động từ mô tả mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của người học theo các mức độ:

- *Biết*: Nêu được, liệt kê được,... Ví dụ: Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước,...
- *Hiểu*: Giải thích được, phân tích được, trình bày được, đánh giá được,... Ví dụ: Giải thích được vì sao phải học tập tự giác, tích cực; trình bày được chữ tín là gì,...
- *Vận dụng*: Xác định, thực hiện, điều chỉnh, kiểm soát, áp dụng, phê phán, thiết kế,

tham gia,... Ví dụ: Thực hiện được những việc làm phù hợp để phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương; phê phán những người không biết giữ chữ tín; tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường;...

1.2.2. Xác định thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy.

Cần nêu cụ thể thiết bị dạy học, học liệu gì gắn với chủ đề bài học và phù hợp với sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học tập; tránh chung chung. Ví dụ: Bài “Tự hào về truyền thống quê hương”: 1/ Học liệu: SGK, SGV, Bài tập GDCC 7, Tranh ảnh, truyện, thơ ca, thành ngữ, tục ngữ, âm nhạc, những ví dụ thực tế gắn với chủ đề “Tự hào về truyền thống quê hương” (GV nêu cụ thể sẽ sử dụng bài hát, bài thơ, câu chuyện gì gắn với chủ đề bài học); 2/ Thiết bị: máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint.

1.2.3. Thiết kế các hoạt động học tập

Hoạt động 1: Mở đầu (Khởi động)

a) *Mục tiêu:* Nêu mục tiêu giúp HS xác định được nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học.

b) *Tổ chức thực hiện*

– *Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:* Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho HS (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HS đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

– *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/quan sát/thực hiện theo yêu cầu của GV); dự kiến những khó khăn mà HS có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

– *Bước 3: Báo cáo, thảo luận* (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sử dụng trong việc lựa chọn các nhóm HS báo cáo và cách thức tổ chức cho HS báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sử dụng của GV).

– *Bước 4: Kết luận, nhận định:* Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để

HS ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà HS phải thực hiện tiếp theo.

Hoạt động 2: Khám phá (hình thành kiến thức mới)

a) *Mục tiêu:* Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới.

b) *Tổ chức thực hiện*

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Nêu rõ nhiệm vụ giao cho HS (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để chiếm lĩnh kiến thức mới.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/quan sát/thực hiện) theo yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể về kiến thức mới (HS cần viết ra hoặc trình bày được).

Bước 4: Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học).

Hoạt động 3: Luyện tập

a) *Mục tiêu:* Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, giao cho HS thực hiện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/quan sát/thực hiện) theo yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể về kiến thức mới (HS cần viết ra hoặc trình bày được). Sản phẩm là đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học).

Hoạt động 4: Vận dụng

a) *Mục tiêu:* Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện:

Giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch dạy học của GV.

Cần mô tả rõ yêu cầu HS phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết; nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.

Lưu ý:

1/ Mỗi bài dạy GDCCD được thực hiện trong 2 đến 4 tiết học. Hệ thống bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các phẩm chất, năng lực trong chương trình. Các dạng bài tập chủ yếu của hoạt động luyện tập: bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lý tình huống, liên hệ bản thân. Hoạt động vận dụng thường ở 2 dạng: Vận dụng trên phương diện lí thuyết: viết bình luận về một ý kiến, sưu tầm ca dao, tục ngữ,...; vận dụng trên phương diện thực hành: thiết kế một áp phích, điều tra thực tiễn, xây dựng dự án,... chủ yếu giao cho HS thực hiện ở ngoài lớp học.

2/ Trong Kế hoạch bài dạy, cần tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể: GV giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; HS đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thực hiện... (không cần nêu cụ thể lời nói của GV, HS).

3/ Việc đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức hỏi – đáp, viết, thuyết trình, sản phẩm học tập, quan sát thái độ, hành vi của HS.

2 BÀI SOẠN MINH HOẠ

Bài 2. QUAN TÂM, CẢM THÔNG VÀ CHIA SẺ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, HS sẽ:

1. Về kiến thức

- Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.
- Giải thích được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.

2. Về năng lực

- Năng lực chung: Có năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực đặc thù: Có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người.

3. Về phẩm chất

Có phẩm chất nhân ái, thể hiện qua việc biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người; khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, Bài tập GDĐD 7;
- Ca dao, tục ngữ, thành ngữ về sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ;
- Tranh ảnh, video về sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ trong dịch COVID – 19, trong bão lũ miền Trung;
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu (Khởi động)

a) *Mục tiêu:* Tạo tâm thế tích cực cho HS; huy động những kinh nghiệm thực tế của HS về quan tâm, cảm thông và chia sẻ, từ đó dẫn vào bài mới.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Phương án 1: Chia sẻ trải nghiệm

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV tổ chức cho HS chia sẻ trải nghiệm: Trong cuộc sống, em đã nhận được hoặc thực hiện được sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ như thế nào? Nêu cảm nhận của em sau khi thực hiện/nhận được điều đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, chia sẻ trong nhóm đôi. GV đi tới các nhóm, quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HS chia sẻ trước lớp. Các HS khác thảo luận về những chia sẻ của bạn, nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, kết luận để dẫn vào bài mới: Để cuộc sống thêm tươi đẹp, con người hạnh phúc hơn, cần đặt mình vào vị trí của người khác, thấu

hiếu, cảm thông, chia sẻ buồn, vui cùng họ. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta nhận biết được một số biểu hiện và ý nghĩa của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ; từ đó, có những hành động thực tế thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

Phương án 2: Chơi trò chơi: Tìm những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ

– *Cách 1:* Chơi trò chơi “Đối mặt”: Từ 5 – 7 HS tham gia. HS đứng thành vòng tròn, tới lượt ai thì người đó sẽ phải đọc nhanh một câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ về sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ, không trùng với câu của người khác đã đọc, cho đến khi chỉ còn một người.

– *Cách 2:* Chơi trò chơi “Tiếp sức”: GV chia lớp thành hai nhóm và chia bảng làm hai phần. Lần lượt mỗi thành viên trong từng nhóm sẽ ghi một câu. Nhóm nào ghi được nhiều câu đúng hơn sẽ thắng.

– Sau khi chơi, GV nêu câu hỏi: Những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ đó nói về điều gì?

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

2. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu những biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ

a) *Mục tiêu:* HS nêu được những biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS đọc truyện (hoặc kể chuyện phân vai), quan sát các hình ảnh trong SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: Nêu những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ trong câu chuyện “Chiếc băng gạc cho trái tim tan vỡ” và các hình ảnh trong SGK.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc truyện (hoặc kể chuyện phân vai), quan sát các hình ảnh trong SGK, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi. GV đi tới các nhóm, quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HS chia sẻ trước lớp. GV có thể dùng kĩ thuật tia chớp, yêu cầu HS trả lời nhanh thêm một số biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ. HS có thể dùng thông tin, câu chuyện, tranh ảnh minh họa thêm cho những biểu hiện đó. Các HS khác thảo luận về những chia sẻ của bạn, nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, kết luận: Những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ:

- + Lắng nghe, động viên, an ủi, nhắn tin, gọi điện hỏi thăm.
- + Chia sẻ về vật chất và tinh thần với những người gặp khó khăn.
- + Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.
- + Phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.

Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ

a) *Mục tiêu:* HS giải thích được vì sao cần quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đọc ba trường hợp trong SGK, thảo luận nhóm, để làm rõ ý nghĩa của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: GV có thể hướng dẫn HS dùng kĩ thuật khăn trải bàn hoặc kĩ thuật các mảnh ghép, thảo luận để thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, kết luận: Sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ giúp con người vượt qua mọi khó khăn, thử thách để có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc hơn; các mối quan hệ trở nên tốt đẹp và bền vững hơn.

– Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức cơ bản vừa khám phá, tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung trong SGK:

- + *Cách 1:* GV chốt và trình chiếu nội dung kiến thức cơ bản HS đã khám phá.
- + *Cách 2:* HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy để chốt kiến thức và trình bày trước lớp.

3. Luyện tập

a) *Mục tiêu:* HS củng cố những tri thức vừa khám phá qua việc chơi trò chơi, bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lí tình huống, liên hệ bản thân về những vấn đề liên quan tới sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

b) *Tổ chức thực hiện:*

1. Bày tỏ ý kiến

– HS thảo luận nhóm, lựa chọn ý kiến đúng/sai và giải thích vì sao. Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận:

a) Không đúng vì ai cũng cần quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Nhưng những người khó khăn cần nhiều hơn.

b) Không đúng vì dù họ không đề nghị (có thể vì ngại ngùng) thì mình vẫn cần thể hiện quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Tuy nhiên, nếu mình cần sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ thì cũng nên có lời đề nghị người khác giúp đỡ.

c) Không đúng vì tặng quà (vật chất) chỉ là một biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Có thể chỉ bằng lời nói, cử chỉ ân cần vẫn thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

d) Đúng vì đó chính là ý nghĩa của quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

2. Nhận xét hành vi

GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi, nhận xét.

Gợi ý:

a) Suy nghĩ và việc làm của H không đúng, bạn cần thường xuyên gọi điện hỏi thăm để thể hiện sự quan tâm với ông bà, để ông bà đỡ cảm thấy cô đơn.

b) Việc làm của M thể hiện quan tâm, cảm thông và chia sẻ với hàng xóm láng giềng.

c) Việc làm của K thể hiện bạn rất tinh tế khi quan tâm, cảm thông và chia sẻ với bạn bè.

d) Việc làm của T thể hiện bạn chưa biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

3. Xử lý tình huống

– GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm xử lý một tình huống.

– HS làm việc nhóm, lựa chọn hình thức và cách xử lý tình huống.

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận:

+ Tình huống a: 1/ Dẫn em bé nín khóc, dẫn em đến địa điểm gần nhất: trụ sở công an, uỷ ban nhân dân xã/phường... nhờ giúp đỡ. Sau đó, đến trường trình bày với thầy, cô giáo về việc vừa xảy ra.

2/ Dẫn em bé đến trường, gửi ở phòng bảo vệ, nói với bác bảo vệ và thầy, cô giáo để có cách giúp em bé.

3/ Gọi điện/tìm người lớn thân quen giúp đỡ em bé,...

+ Tình huống b: 1/ An ủi, động viên bạn.

2/ Vẫn phải nói với thầy, cô giáo để có biện pháp giúp đỡ bạn để bạn không phải bỏ học.

3/ Nói với lớp trưởng để cùng có giải pháp giúp bạn không phải bỏ học,...

+ Tình huống c: Nếu không có điều kiện vật chất để giúp bạn, em vẫn có thể giúp bạn bằng cách động viên, an ủi, lắng nghe, chia sẻ buồn vui cùng bạn.

4. Liên hệ bản thân

Cách 1: HS làm việc cá nhân, điền vào bảng mẫu, chia sẻ với các bạn những việc đã làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

Cách 2: HS chơi trò "phóng viên", phỏng vấn các bạn những việc đã làm thể hiện sự quan tâm và chia sẻ.

4. Vận dụng

a) *Mục tiêu:* HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã được học để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến bài học.

b) *Tổ chức thực hiện:*

1. Sưu tầm, chia sẻ về một tấm gương biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác và rút ra bài học.

HS làm việc cá nhân, sưu tầm một tấm gương liên quan đến bài học và chia sẻ trước lớp trong giờ học sau.

2. Tìm hiểu về một bạn có hoàn cảnh khó khăn và lập kế hoạch giúp đỡ bạn.

HS làm việc cá nhân/nhóm, tìm hiểu và lập kế hoạch giúp đỡ một bạn có hoàn cảnh khó khăn theo bảng gợi ý sau:

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 2: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ

Họ tên: Nhóm: Lớp:

Yêu cầu: Tìm hiểu về một bạn có hoàn cảnh khó khăn và lập kế hoạch giúp đỡ bạn.

Họ và tên người cần giúp đỡ	
Hoàn cảnh khó khăn	
Các việc làm cụ thể	
Thời gian thực hiện	

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ TRANG – NGUYỄN TẤT THẮNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THANH THUÝ

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: hanhtrangso.nxbgd.vn

– Tập huấn online: taphuan.nxbgd.vn

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7 (BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)**

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB:/CXBIPH/...../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN:

